

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 12

(Bản Luận 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50)

BẢN LUẬN 44 (Tiếp Theo)

Phẩm này là phẩm thứ mười lăm của Học trì thứ ba, là phẩm thứ chín trong “có thể Học như vậy”. Tánh Bồ-đề phần chỉ có ba mươi bảy loại, nhưng có thể chứng Bồ-đề thì gọi là Bồ-đề phần, mười lăm môn trong đây đều là trong đây rộng thuyết minh, gọi là phẩm Bồ-đề phần.

Hỏi: Tại sao phẩm Cúng dường sau đó mới thuyết minh?

Đáp: Trước phẩm Cúng dường là Nhiếp tu phương tiện, vì tu thành hạnh sai biệt thành Đạo, gọi là Bồ-đề phần, cho nên tiếp theo thuyết minh phẩm Cúng dường.

Luận: Trong giải thích Y xứ của Tàm quý có bốn loại, loại thứ tư nói: “Nếu hàng Bồ-tát đối với chỗ sinh Ác tác hữu y của tự mình đeo đuổi không bỏ mà sinh xấu hổ, thì nên biết đó gọi là Đẳng giả. Nói Ác tác hữu y, là do Ác tác thứ ba đã hối hận, hối hận rồi lại làm nữa, sau đó y theo việc làm trước, cho nên gọi là Hữu y.

Luận: Trong giải thích năm Trước:

1. Thọ trước, sư Pháp nói: “Nói về Thể là Thọ mạng trước, thì Đại thừa lấy A-lại-da thức trì giữ liên tục bất tử để giả lập Mạng căn”, tức là lấy Mạng căn này làm Thể của Thọ trước.

2. Hữu tình trước, trong giải thích bên dưới nói: “Không biết cha mẹ, Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, là lấy Bất Tín làm tánh; không biết Gia Trưởng v.v... là lấy Kiêu Mạn làm Thể; không sợ tội của đời này và đời sau, là lấy Vô minh làm Thể; không tu Thiện v.v... là lấy Giải đãi làm Thể”, tức là lấy năm pháp làm Thể của Hữu tình trước, đó là Bất Tín, Mạn, Kiêu, Vô minh và Giải đãi, hoặc đồng thời với năm Uẩn thì thông với năm Uẩn làm Thể.

3. Phiền não trước, trừ Kiến trước và năm Phiền não còn lại trước,

làm Thể của Trước này.

4. Kiến trước, là năm Kiến, xem ý của văn dưới, thật ra là lấy Vọng kiến của nội đạo làm Thể, tức là Bất chánh tri.

5. Kiếp trước, là đối kém, mất mùa, dịch bệnh, là lấy hai Tâm sở trong Xúc làm Thể, Đạo bình thì lấy bốn Ma hoặc năm Uẩn làm Thể. Ba cõi phân riêng, chỉ có cõi Dục, chỉ có Nam-diêm-phù. Ba thứ đối kém, mất mùa và dịch bệnh, thì theo thứ tự ba mươi tuổi, hai mươi tuổi, mười tuổi mà khởi, hoặc là người Năng trị đạo của năm Trước.

Luận: “Lại nữa, hàng Bồ-tát như thật biết rõ sự phá hoại và thành lập của chư thế gian v.v...”, tức là biết hai mươi kiếp hoại, hai mươi kiếp thành v.v...

Luận ghi: “Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với thế gian và thế gian Tập của các Ngài v.v...”, đây là lấy tám loại tướng để quán thế gian. “Đối với thế gian đó”, là Khổ đế. “Đối với Thế gian tập”, là Tập đế. “Thế gian diệt”, là Diệt đế. “Đối với chúng sinh có thể tiến đến thế gian Tập hạnh”, là Ái làm Tập đế, Thọ thì có thể sinh Ái, tức là Ái làm Tập hạnh. “Tiến đến thế gian Diệt hạnh”, là Đạo đế. “Đối với tội lỗi Ái vị của thế gian”, là quán lại Khổ của Tập đế. “Và ban cho xuất ly”, là quán lại Diệt đế.

Hỏi: Tại sao Tập đế có ba quán lại, Khổ đế và Diệt đế có hai quán lại?

Đáp: Nếu Tập đế có thể chán sâu thì phải quán nó hai, ba lần, diệt trừ sâu rồi mới có thể mừng, cho nên cũng phải quán lại. Lại nữa, năm quán bốn Đế ở trước chỉ có quán lại Tập tiến đến Tập hạnh, là Thọ giả vì có thể chán sâu cho nên phải quán lại. Trước đã quán riêng bốn Đế, dưới đây là quán lại bốn Đế. Ái vị là Tập đế, hoặc là Khổ đế. Tội lỗi là là Khổ đế, hoặc là Tập đế. Xuất ly là hai Đế vô lậu hợp chung làm một lần quán.

Luận ghi: “Do hàng Bồ-tát như thật biết rõ thế gian lưu chuyển sai biệt”, là kết năm Trước v.v... ở trước lưu chuyển sai biệt. “Hoặc Khí thế gian lưu chuyển sai biệt”, là kết hai mươi kiếp Thành và hai mươi kiếp Hoại v.v... ở trước. “Hoặc tám loại tướng quán nghĩa của thế gian”, là kết quán tám loại tướng của bốn Đế ở trước. “Hoặc tất cả thắng nghĩa của chư thế gian”, là kết chỉ có Sắc v.v... ở trước.

Hỏi: Thế nào gọi là Thắng nghĩa?

Đáp: Nếu không biết nghĩa của nó mà chấp như tên của nó, thì đây là thế tục, đã biết chỉ có danh của nó mà không khởi chấp trước cho nên gọi là Thắng nghĩa.

Luận ghi: “Có thể rộng viễn ly mười bốn Cấu nghiệp”, Cự luận ghi: “Sáu Phương, bốn bạn ác và bốn bạn lành, là mười bốn Cấu nghiệp. Ý theo Trường A-hàm, thì cùng với sáu phương, bốn bạn ác v.v... này hoàn toàn khác nhau. “Thân và khẩu có bốn thứ”, là sát, đạo, tà dâm và vọng ngữ, không dựa vào bốn thứ này mà khởi các ác. “Ác nhân có bốn loại”, là tham, sân, si và bố úy, không dựa vào bốn thứ này mà khởi ác nghiệp. “Đều là lia sáu thứ tổn tài pháp”, là các thứ đam mê rượu chè, cờ bạc, du hí, phóng đãng, mê nhiễm kỹ nhạc, bạn ác tổn hại nhau, dần dần chạy theo chỗ nói của bạn ác kia, từng loại trong sáu thứ này, mỗi mỗi đều có sáu loại, không phiền dẫn ra. “Ẩn sáu phương”, cũng như Trường A-hàm nói: “Thành La-duyệt có người con của Trưởng giả tên là Thiện Sinh, tương truyền lâu đời, những khi nhàn rỗi hằng lễ bái sáu phương, hợp chung với sáu thần thường hộ gia nghiệp, các việc làm đều được tốt đẹp, bất ngờ một hôm đến gặp Phật hỏi rằng: “Có pháp nào như vậy không”? Phật đáp: “Có, nhưng cùng với pháp của ông không đồng, cha mẹ làm Đông phương, sư trưởng làm Nam phương, vợ con làm Tây phương, bạn bè làm Bắc phương, nô bộc làm Hạ phương, Sa-môn cao đức làm Thượng phương”, trong sáu phương mỗi mỗi đều có năm sự, không phiền dẫn ra, rộng như trong kinh Thiện Sinh nói. Thường ẩn nấp trong sáu phương này, không sinh kiêu ngạo, hoặc có thể trụ tại sáu phương này cho nên nói là ẩn tàng. “Lánh xa bốn thứ bạn ác”, cũng như kinh đó nói:

1. Như thân bạn ác, vì sợ mà ẩn nấp, thật ra không có ý thân gần.
2. Mỹ ngôn bạn ác, lời nói thì thuận mà ý thì trái.
3. Kính thuận bạn ác, là tâm tuy kính thuận nhưng đối với việc làm thiện ác thì đều do tâm không can gián nhau.
4. Bạn ác làm bạn của ác sự, hoặc là uống rượu, cờ bạc, vui chơi, phóng dật, ca múa v.v...

Trong bốn loại này, mỗi mỗi đều có bốn loại, không phiền dẫn ra, nói bốn loại này rất đáng ghét mà nên xa lìa nó. “Nhiếp bốn loại bạn lành”, là nói rằng bốn loại này có thể thân cận, phải nên thân cận, như trong kinh đó nói:

1. Chỉ phi hữu, chuyện ác thì cùng nhau ngăn dứt.
2. Từ mẫn hữu, sự khổ cùng nhau chia sẻ.
3. Lợi nhân hữu, chuyện vui thì ban cho nhau.
4. Đồng sự hữu, việc thiện cùng làm bằng nhau.

Trong mỗi mỗi loại đều có bốn thứ. Không phiền dẫn ra, rộng như

trong kinh đó nói.

Luận ghi: “Như trong kinh Thi-khư-lạc-ca nói”, Hán dịch là Đảnh kết trì, tức là búi tóc trên đỉnh đầu. Lại nữa, Thi-ca là Kết, Lạc-ca là Chấp kết, tức là nắm búi tóc, tám tên này như trong kinh Trường A-hàm hoặc là tên của Di sinh tiểu thời.

Luận ghi: “Bồ-tát thành tựu các pháp như vậy v.v... như chính là chỗ nên biết của thế gian, như chính là chỗ nên chuyển của thế gian”, là tổng kết chỗ nên biết, và kết duyên với Đế v.v... Tám tướng trở lên phải đối với văn kết trở xuống.

BẢN LUẬN 45

Luận: Giải thích bốn Y, theo các kinh luận thì thứ tự không đồng, như kinh Niết-bàn thì từ Quả suy ra Nhân mà nói thứ tự, nói Chân như là Quả, có thể y theo Chân quả, không thể y theo Nhân, tức là duyên Danh nghĩa của Như trí, có thể y theo nghĩa này mà không y theo Ngũ, tức là nương vào Trí này khởi Hậu đắc thuyết pháp, có thể y theo Trí này mà không y theo Thức, đã nghe pháp rồi thì có thể y theo Liễu nghĩa, không thể y theo Bất liễu nghĩa. Lại nữa, trở lại suy từ Nhân đến Quả, tức là lấy pháp để chứng Chân như trí, tức là Nghĩa của Nhân, làm Chân như tức là Quả, có thể y theo Liễu nghĩa tức là trước quán Nhân sau mới quán Trí, không y theo Thức, năm loại này ở đây không phiên dẫn ra, văn của luận này là lớp giải thích thứ ba, như văn có thể biết.

Luận: Y kinh liễu nghĩa, Bất y bất liễu nghĩa v.v... Nói rằng: “Bản tánh nghĩa”, tức là tánh thể của các pháp. Nói rằng Thức có tám loại, là bản tánh của Thức, vì Tiểu thừa không liễu nghĩa cho nên không nói, kể cả đối với bản tánh cũng không thể hiểu rõ.

Luận: Trong giải thích Y trí bất y thức v.v... thì Văn và Tư là Trí, tại sao không y theo? Nghĩa nói, tuy là Trí, nhưng là trí tán loạn, vì chưa viên mãn cho nên không thể y theo.

Hỏi: Nếu như thế thì thế gian không đáng nên y theo?

Đáp: Cũng không nên y theo, vả lại vì ba Tuệ tương đối, cho nên không y theo. Trong luận chỉ nói Văn tư, trong Chân thật tu tuệ cũng có chỗ không nên y theo.

Luận ghi: “Không phải đối với Văn tư chỉ có nghĩa của Thức pháp, vì không phải Chân chứng trí v.v...”, nói không phải chỉ có Văn và Tư làm nghĩa của Thức pháp, không y theo Chân chứng trí. Lại nữa, không phải Văn tư là văn tự không y theo pháp khác vì Văn tư chỉ có nghĩa của Thức pháp, mà càng không y theo Chân thức trí.

Luận: Trong tổng kết nói: “Lược hiển bốn lớp”, là chỗ nói nghĩa Chánh lý, Đại sư thứ nhất là Tu sở thành tuệ chân thật chứng trí, như bốn Y ở trước thứ tự mà phối hợp. Đại sư thứ hai là Y pháp bất y nhân ở trên. Y pháp bất y nhân, tại sao gọi là Đại sư thứ hai? Trong đây tuy gọi là Đại sư, nhưng Đại sư là Phật, chỗ nói cũng không thể tin tồn tại nơi pháp. Lại nữa, nếu Đại sư nói không phải Chánh lý thì lấy lời nói của Đại sư mà kết vào Y pháp bất y nhân.

Luận: Trong giải thích bốn Vô ngại giải, pháp lấy giáo của Năng thuyết. Luận nói đối với tất cả pháp và tất cả Dị môn, Dị môn tức là

Sai biệt môn của Năng thuyên. Trí của Như lý và Trí của Như sự, những Trí này đều là Cảnh sở duyên, vì nương vào duyên các Cảnh này cho nên đắc Tuệ của Tu sở thành. Tuệ năng thuyên này là pháp Vô ngại thể, nghĩa của nó là Vô ngại giải, tức là từ pháp trước trở xuống nghĩa của Sở thuyên, cho nên trong Pháp năng thuyên có nói về “Dị môn”, trong Nghĩa sở thuyên có bàn riêng về Dị tướng, tức là đối với Năng thuyên đắc trí gọi là pháp Vô ngại giải, đối với Sở thuyên đắc tự tại gọi là Nghĩa vô ngại giải, như Tạp Tập quyển 14 ghi: “Pháp vô ngại đối với tất cả gọi là Sai biệt”, là y theo Vô minh v.v... trong sai biệt danh của Vô trí, Vô kiến và Bất hiện quán v.v... Vô ngại trí nghĩa, Vô ngại trí tướng và Ý thú tướng gọi là Tự tướng và Cộng tướng. Ý thú là biệt nghĩa v.v...

Luận: Trong giải thích Ngôn từ, chỉ có giải thích thuận theo ngôn từ của các pháp, như Tạp Tập cũng ghi: “Đối với các âm thanh tiếng nói của các phương”, là vô lượng quốc gia, thành ấp, chúng sinh, tự tướng ra ngôn từ, giải thích ngôn từ của các phương, nói có thể phá hoại thì gọi là thế gian v.v... dùng một âm thanh để diễn thuyết, chúng sinh tùy loại mà mỗi mỗi đều được hiểu, gọi là Chung chủng ngôn âm.

Luận: Trong giải thích Biện vô ngại, trong đây chỉ nói Tất cả pháp và Tất cả phẩm sai biệt, như Tạp Tập: “Tất cả phẩm sai biệt là Thật hữu, Giả hữu, Thế tục hữu, Thắng nghĩa hữu v.v...”, là phân rõ các loại ngôn từ sai biệt v.v... hoặc như Tận sở hữu tánh cùng với trước đồng nhau.

Luận: Trong bốn Biện của Loại tử nói: “Trên đây không có tự mình có thể khéo léo hiển hiện Chánh đẳng giác, huống chi khéo vì người khác mà khai thị Vô đảo”, ý này quyết định chỉ có bốn Biện này mới có thể hiển hiện Chánh đẳng giác và vì người khác mà khai thị Vô đảo, trừ bốn Biện này trở lên thì không có hiển hiện Đẳng giác v.v... đó là ý trong đây.

Luận: Trong giải thích hai loại pháp Bồ-đề phần của Bồ-tát và Thanh văn, gọi là lý thú của Nhị thừa. Bồ-tát đối với Niết-bàn của Thanh văn thì như thật biết rõ, vì muốn hàng phục Thanh văn có đủ Nhất thiết chủng trí cho nên trong Niết-bàn đó không khởi chứng đắc, vì đối với lý thú của Đại thừa và Thanh văn khác nhau.

Luận ghi: “Hàng Bồ-tát có thể đối với tự thân trụ tu Thân quán, không đối với tự thân phân biệt Hữu tánh, cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều Vô tánh. Lại nữa, trong thân đó xa lìa tự tánh và pháp tánh của ngôn thuyết mà như thật biết rõ v.v...”, là không phân biệt

Hữu tánh, không bị Biến kế chấp phân biệt. “Thân có Bất phân biệt và Vô tánh”, đây là giải thích lại Viên thành thật không khởi Ngôn thuyết phân biệt, Chân như là tự tánh pháp tánh không thể diễn bày. Hoặc căn cứ theo dưới đây, thì các đoạn văn Bồ-tát như vậy đối với các pháp của thân v.v... không phân biệt Khổ v.v... tức là cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều Vô tánh, chỉ quán sát Y tha. “Xa lìa tự tánh pháp tánh của Ngôn thuyết”, tức là Viên thành thật, ở đây lìa Ngôn thuyết, là Ngôn thuyết không tương xứng, không đồng với Y tha, cho nên đoạn văn dưới nói là pháp tánh của bốn Đế, pháp tánh tức là Chân như, tức là không phân biệt Hữu tánh, là Biến kế, không phân biệt tất cả chủng loại đều là Vô tánh, là Y tha. Xa lìa tự tánh pháp tánh của Ngôn thuyết, là Viên thành thật. Hoặc tùy thuận vô lượng an lập lý thú Diệu trí, là Hậu đắc trí. Đây là Bồ-tát cùng với pháp Bồ-đề phần của Nhị thừa quán sát khác nhau, trong đây rộng phân tích phẩm Bồ-đề phần, nghĩa theo lối bình thường, chỉ có Phật địa; Trí, Nghĩa, Dụng, Phần đồng thời đều có Đức trí, cùng làm bốn Niệm trụ quán, thân đồng thời có. Nói một cách rõ ràng rằng, nghĩa này không đúng, vì đều là Diệu quán sát trí, tức là như Phật địa luận nói.

Luận: Trong giải thích Chỉ quán, trong đây Bồ-tát lược có bốn Hạnh, phải biết gọi là Chỉ:

1. Thắng nghĩa thế tục trí tiền hạnh, tức là Vô phân biệt trí, là Tiền phương tiện định của Hậu đắc trí, tức là cùng với Gia hạnh trí và Đồng thời định.

Hỏi: Tại sao biết được Thế tục trí trong đây, là Hậu đắc trí?

Đáp: Trong môn tổng nêu ở trước có hai Trí là Như thật chân trí và An lập thế tục trí, cho nên biết Thế tục trí trong đây là Hậu đắc trí.

2. Thắng nghĩa thế tục trí quả, tức là cùng với Chánh trí, Hậu đắc trí, vì Đồng thời định là Quả của Tiền gia hạnh định, hai Trí là Thế của Đồng thời định, tức là Quả. Lại nữa, giải thích chỗ sinh Đăng lưu định ngay sau hai Trí, nói: “Thắng nghĩa thế tục trí quả tức là Quả của hai Trí.

Hỏi: Tại sao không hiểu rõ hai Trí đồng thời định?

Đáp: Định thứ ba và thứ tư của cõi dưới tức là hai Trí đồng thời định.

3. Rộng khắp Vô công dụng chuyển trong tất cả Hý luận tướng, Chuyển tức là Chuyển diệt”, là Chánh trí rộng khắp trong Nhất thiết hý luận tướng đều có thể chuyển diệt. Hoặc như giải thích trước, “Quả của hai trí”, đây là nói nghiệp Dụng của Chánh trí đồng thời định; hoặc như

giải thích sau, tức là Chánh trí đồng thời ịnh.

4. “Tức là đối với Ly ngôn như vậy thì chỉ có Sự do Vô tướng vô sở phân biệt mà tâm đó tịch tĩnh tiến đến Nhất thiết pháp bình đẳng tánh và Nhất vị thật tánh”, đây là nói Chánh trí quán Y tha không phân biệt Hữu tánh, nhập nghĩa Nhất vị chân như, hoặc y theo giải thích trước tức là nói hai lớp, là nói nghiệp Dụng của hai Trí, hoặc y theo giải thích sau, tức là thuyết minh lại nghiệp Dụng của hai Trí. Chánh thuyết minh Thể thứ ba, luận này thì thuyết minh Dụng, hoặc phỏng theo Vị, thì vị thứ nhất trong Gia hạnh đạo của Địa tiền, vị thứ hai thì từ Nhập ịa trở đi cho đến Địa thứ bảy trở về trước, vị thứ ba thì tại Địa thứ tám trở lên cho đến Địa thứ chín, vị thứ tư chính là Thập địa, nhập vào Phật địa.

Luận: Trong giải thích Quán, “có bốn Hạnh phải biết gọi là Quán”, tức là bốn Hạnh, Chỉ đạo tiền hạnh là hạnh thứ nhất, tức là Gia hạnh trí, Tiền hạnh trí trong Chỉ của bốn hạnh trước là Văn và Tư hữu lậu. Vả lại luận về Trí tiền hạnh của bốn Chỉ, thật ra cùng với Chỉ thứ nhất đồng thời quán là Gia hạnh trí, cũng nhiếp tại Trí thứ nhất là Ly tăng ích chấp, thứ hai là Ly tổn giảm chấp, thứ ba là Vô phân biệt trí, là Nhị biên và Tùy thuận cho đến An lập lý thú là thứ tư Hậu đắc trí. Bốn Trí này trong từng Địa đều có phối hợp riêng, có khó khăn chút ít.

Luận: Trong giải thích y theo thành tựu Nội ngoại, mỗi mỗi đều có sáu loại.

Hỏi: Đã nói là Nội ngoại hai thứ khác nhau, làm sao được trong Nội có nghĩa Thành chúng sinh, trong Ngoại có nghĩa Tự thành?

Đáp: trong Nội tuy nói Ngoại chúng sinh, nhưng có ý lấy tâm của Bồ-tát mà nói là Nội, đối với nghĩa Ngoại là tại hữu tình, không tồn tại đối với Nội mà tự thành tựu.

Luận ghi: “Một thảng không ăn”, là chỗ kế chấp của ngoại đạo, leo lên núi cao hoặc đi trên lửa là kế chấp của Ni-kiền tử.

Luận ghi: “Chú của Bà-la-môn, Phệ-đà-ca”, đây là thuyết minh về Chú thuật. Cứu cánh tịnh, là làm cho vô lậu xuất thế Tịnh.

Luận: Trong giải thích “Tùy thuận Hội thông phương tiện thiện xảo là hàng Bồ-tát” trở xuống, cho đến “Lại nữa, đối với sự tiến nhập duyên khắp tất cả Tam-ma-địa môn có thể vì tùy thuận v.v...” trở lại, là thuyết minh Tùy thuận, trở xuống là thuyết minh Hội thông, Tùy thuận thì thuận với Hội thông. Hội thông là giải thích kinh mà nói, trước hết là tùy thuận để khiến cho sinh vui mừng, vì phương tiện thông với duyên. Trong Tùy thuận, đầu tiên là Ái ngữ, tức là Mỹ ngữ, kế đến “Bố thí cũng là hiện hành Cận thí tùy chuyển”, Cận thí tùy chuyển là tùy khởi

bố thí mà nhiếp cho thân cận, hoặc Cận thí tức là hành bố thí để nhiếp sự mà gần gũi. Tùy chuyển, là Đồng sự, Nhiếp sự, do bố thí Tài mà đồng làm Bạn Sự, trừ chỗ sinh Sân khuể v.v... ra, chỗ sinh Ái kính trở xuống là thuyết minh về Lợi hành.

Luận ghi: “Vì hiện thân thông, Ký tâm, Hiển thuyết v.v...”, tức là Tam luân.

Luận ghi: “Lại nữa, đối với sự tiến nhập duyên khắp tất cả Tam-ma-địa môn có thể vì tùy thuận Giáo thọ, Giáo giới v.v...”, là có Tam-ma-địa có thể duyên khắp tất cả, tức là Định mà Nhất thiết chủng trí nương tựa, nếu có người tiến nhập thì tùy thuận Giáo thọ Giáo giới kia, Giáo thọ Giáo giới là ý trong đây.

Luận: Trong giải thích Hội thông, nói: “Luận kia ghi: kinh này không nói tất cả các pháp đều là Vô sở hữu, chỉ nói các pháp, chỗ nói tự tánh đều là Vô sở hữu v.v...”, không nói hai tánh Y tha và Biến kế đều là Vô tánh, nói rằng chỗ nói tự tánh của Biến kế là không có.

Luận: “Tuy có tất cả Sở ngôn thuyết Sự y chỉ tự tánh kia mà các Ngôn thuyết chuyển, nhưng chỗ nói kia là tự tánh khả thuyết, căn cứ theo nghĩa thứ nhất thì không phải tự tánh của nó v.v...”, tuy có Sở ngôn thuyết sự của Y tha v.v... nhưng y theo sự này mà khởi Biến kế ngôn thuyết, như Ngôn thuyết này thì chỗ nói tự tánh cũng như sừng thỏ. Căn cứ theo nghĩa thứ nhất thì không phải như Biến kế sở chấp ngôn thuyết tự tánh của nó. Nói Vô sự, tức là không có sự Biến kế sở chấp, không phải không có Y tha.

Luận ghi: “Ví như trong hư không có nhiều Sắc và Sắc nghiệp có thể dung chứa được tất cả Sắc, Sắc nghiệp v.v...”, đây là thí dụ Chân như như hư không, Biến kế như Sắc v.v... dưới đây chỉ khiển trừ Biến kế Tự sắc Sắc nghiệp, để chứng tánh Tự không của Chân như.

Luận ghi: “Lại nữa, như huyễn mộng, không giống như hiển hiện, mà như thật là Hữu v.v...”, từ trên đến đây thuyết minh Chân như tự hư không, Sắc nghiệp tự Biến kế, ngay trong đoạn này trở lên thì thí dụ Y tha như huyễn v.v... “Như Biến kế chấp”, là không phải có, như chấp thật có người v.v... tương tự giả có của nó chẳng phải không, tức là Y tha.

Luận ghi: “Như vậy chư pháp không giống như ngôn thuyết tập quen của ngu phu” trở xuống, là tổng kết từ trên đến đây để thuyết minh Y tha và Viên thành là có, Biến kế thì không có. Phỏng theo chứng nghĩa Ly ngôn tự tánh thì hai tánh này không phải Vô sở hữu, vì hai tánh còn tồn tại, do phương tiện này mà ngộ nhập đạo lý tất cả các

pháp phi hữu phi vô, cũng như huyền mộng. “Tánh của nó không hai”, đây là kết ba tánh ở trên, nói Biến kế cũng phi hữu phi vô, Phi hữu là đồng với sừng thỏ, nói Phi vô là có vọng tình. Y tha cũng vậy, không phải có giống như Biến kế, không phải không có giống như giả mộng. Viên thành cũng vậy, không phải có đồng với Biến kế, không phải không có Thắng nghĩa hữu. “Không lấy phần ít không bỏ phần ít v.v...”, là không lấy Biến kế, không xả bỏ hai tánh kia, không khởi chấp tồn giảm hai tánh, không khởi chấp Tăng ích biến kế hữu, gọi là không bị hoại mất.

Luận ghi: “Đà-ra-ni có bốn loại là Pháp, Nghĩa, Chú và Năng đắc nhãn”, trong giải thích sau đây là pháp Đà-ra-ni, lấy pháp làm Cảnh, tức là Danh ngôn năng thuyên; lấy Niệm tuệ làm Thể; nghĩa Đà-ra-ni, Thể của nó đồng với pháp, chỉ có cảnh giới khác nhau. Sự khác nhau của nó như thế nào? Là Nghĩa sở thuyên làm Cảnh, là Vô lượng nghĩa ý thú v.v... tức là chỉ ở tại Ý địa chú Đà-ra-ni, lấy Định làm Thể, nương vào Định mà trì chú, vì khiến cho không vọng cho nên lấy chú làm Cảnh. “Năng đắc nhãn Đà-ra-ni”, là lấy Vô phân biệt trí làm Thể của Nhãn, tức là chứng Chân như. “Năng đắc nhãn”, tức là Gia hạnh trí, có thể có công năng trì chú, vì đắc Chân như. Sư Pháp nói: “Đây là lấy Vô phân biệt trí làm Thể”. Nếu như thế thì tại sao nói Năng đắc nhãn? Đây là trong Gia hạnh đạo, trì nhãn chú này cho nên mau chóng đắc Chân trí, chứng Chân như, cho nên ở đoạn văn sau là tại Thắng giải Hạnh Vị.

Luận: Trong giải thích Năng đắc nhãn Đà-ra-ni, nói: “Thành thực tự nhiên kiên cố Nhân hạnh”, là ở tại Địa tiền, Nhãn gọi là Nhân, vì không thể động cho nên gọi là Bất động. “Nhân hạnh đầy đủ Diệu tuệ”, tức là thành thực Diệu tuệ ra khỏi thế gian. Hoặc trong Bất động nhân hạnh, “đầy đủ Diệu tuệ riêng một mình ở chỗ nhàn rỗi”, đây là nói trụ xứ, vắng lặng không có ngôn thuyết, lìa ngôn ngữ ồn ào phức tạp, “đã từng không có vật”, ý đó là thức tỉnh các sự, không có các vật dụng khác. “Thấy đường lộ mà đi”, là không nên đi, phải hiểu rõ khi tướng sinh thì mới đi, cho nên nói “thấy đường lộ mà đi”. Lại nữa, chỗ đi phải thấy chánh lộ, không nhiễm tội lỗi, tội lỗi gọi là xứ hoang dã, chánh lý gọi là đường đi, y theo chánh lý mà hành, gọi là thấy đường lộ mà đi. Biết lượng mà ăn v.v... cũng có thể hiểu.

Luận: “Đối với chỗ thuyết chương cú của các chú đắc Bồ-tát nhãn của Phật, có thể tư duy kỹ càng các câu chú đó thì gọi là Đẳng”, là các câu chú này không có nghĩa, chỉ có danh mà thôi, Bồ-tát Địa tiền tụng chú vô nghĩa này, vì muốn trừ kế chấp, nhưng chú này chỉ có tên gọi,

đâu có chỗ nào có nghĩa, cho nên biết các pháp chỉ có tên do vọng kế, không như thật chấp nghĩa, cho nên không thể gọi là sinh chấp. Do tư duy như vậy thì liền có thể nhập Chân quán, chứng Bồ-tát nhãn.

Luận ghi: “Chỉ có vô nghĩa, như thật biết rõ nghĩa của chương cú này, chỗ gọi là Vô nghĩa”, đây là giải thích Vô nghĩa trên là nghĩa của Viên thành thật. Nói rằng chú này trở xuống không có Sở thuyên, vì không có Nghĩa sở thuyên cho nên có thể chứng Viên thành thật. “Nhưng do chú này” trở xuống, là không có Sở thuyên. “Như thật biết rõ chương cú này” trở xuống, chỗ gọi là Vô nghĩa mà chứng Viên thành thật.

Luận: “Các loại trong đây mà không quyết định”, là do có sai lầm. “Cũng không kiên trụ”, là do có Thoái chuyển. “Cũng không rộng lớn”, là trì có phần bằng nhau, không phải như vô biên.

Luận: Trong giải thích năm loại Nguyện, Nguyện thứ hai là Sở thọ sinh, nói: “Tùy thuận nhiều ích hữu tình trong các nẻo thiện”, hỏi: Tại sao trong đây không nói tùy thuận sinh vào nẻo ác? Đáp: Có hai ý:

1. Nẻo thiện có nhiều lợi, nẻo ác có ít lợi, lược bỏ không luận.
2. Thuận với tám Tướng thì chỉ ở tại nẻo thiện.

Lại nữa, nẻo ác không có hóa độ tự tại làm vua v.v... Lại nữa, khi nói nẻo thiện, là có hiển sinh nẻo ác, từ Thắng xứ mà nói thì chỉ luận nẻo thiện.

Luận: Trong giải thích ba loại Tam-ma-địa, nói: “Thế nào là Không tam-ma-địa v.v... của Bồ-tát”, ý Không trong đây, hoặc tướng Kiến đạo chỉ có hai hạnh sau Khổ đế, ý vẫn là Vô nguyện; do có các câu nói Phiền não v.v... cho nên chỉ tập hợp bốn hạnh, Khổ có hai hạnh, ý vẫn là Vô tướng; do có câu nói vĩnh viễn Tịnh tĩnh, chỉ có bốn hạnh sau Diệt đế; hoặc phỏng theo văn trong các luận khác có nhiều sai biệt, một là vẫn như trước. Lại nữa, Vô nguyện đều nhiếp bốn hạnh sau Đạo đế, ngoài ra có vẫn như trước, Vô tướng nhiếp bốn hạnh sau đạo. Vô nguyện thì không như vậy, ngoài ra có vẫn như trước, ba Đế như trước, ban đầu giải thích bốn hạnh sau đạo, nhiếp chung với ba Giải thoát môn, như Hiển Dương luận quyển 2 có nghĩa Không hạnh. Hoặc phỏng theo Đoạn hoặc thông với bốn Đế, các pháp còn lại có thể biết. Trong đây nếu tổng hợp các văn bất đồng lại, thì ý tiêu biểu như Đối Pháp sao, nghĩa căn cứ theo đây mà hiểu. Lại nữa, ý vẫn của luận này trong Chân quán, nghĩa dụng phân lập ba Giải thoát môn này, hoặc Đoạn hoặc chỉ có Không hạnh. “Hoặc đồng thời cũng có nghĩa Vô nguyện và Vô tướng”, là ý vẫn trong có nói Phiền não v.v... tương tự chỉ có bốn

hạnh của Tập đế, hai hạnh của Khổ. Căn cứ theo Tăng giảm môn dưới đây, tổng quát đối với Hữu vi mà lập Vô nguyện, Vô nguyện thông với ba Đế. Lại nữa, theo câu nói tổng này, hoặc là ý trong đây như trước mà nói.

Luận ghi: “Như vậy Bồ-tát trong ba loại Tam-ma-địa tinh cần tu học”, đây là khuyến khích tu học. “Do đó mà kiến lập như thật liễu tri” là kết chánh thuyết minh ba Giải thoát môn ở trước. Lại nữa, tổng kết nghĩa “Bất tăng bất giảm đối với hành tướng Tam-ma-địa như thật ngộ nhập”, là vì liễu tri chỗ thuyết minh Giải thoát môn này, đối với các hành tướng khác mà như thật ngộ nhập, đều có thể hiểu nó. “An lập lý thú như thật ngộ nhập”, tức là mới ngộ nhập ba Giải thoát môn chân thật. “Tu tập lý thú như thật liễu tri”, là khuyến khích tu tập pháp của Tam-ma-địa, dưới đây giải thích lại cho rằng: “Trong đó các chúng Thanh văn tinh cần tu học”, tức là Học hạnh và chứng viên mãn thì liền ngộ nhập, lại có giải thích khác, suy nghĩ thì có thể hiểu.

BẢN LUẬN 46 BỒ-ĐỀ PHẦN THỨ MƯỜI BẢY

Luận ghi: “Lại có bốn pháp Ôn-đà-nam”, luận này gọi là Thuyết, tức là Thế Tôn thường tụng thuyết, ở đây Ôn-đà-nam gọi là Nhiếp tán, tức là dùng Kệ sơ lược mà nhiếp Trường hàng. Hiện tại luận này nói “thuyết”, là thường tụng thuyết, nghĩa này tương tự là tự thuyết liên tục. Hoặc bốn loại thể tánh này lấy pháp thể nêu ra, xét kỹ Hữu vi và Vô vi cho nên có thể hiểu.

Luận: Trong đoạn “lấy ba nghĩa để giải thích Ôn-đà-nam”, nói: “Pháp tương ứng nghĩa”, là biểu thị Vô thường v.v... nhưng cùng với Hữu vi không phải tương ứng. Lại nữa, hành tích này có thể tiến đến Đại sinh, chiêu cảm quả hữu lậu trời người thù thắng mà sinh trong Tịnh độ vô lậu. Lại nữa, sinh vào cõi Sắc và cõi Vô sắc cho nên gọi là Đại sinh. Lại nữa, có thể đắc chân pháp mà sinh cho nên gọi là Đại sinh. Lại nữa, hoặc nêu ra Hữu thứ nhất mà luận, thì Đại sinh này là Hữu lậu sinh.

Luận ghi: “Ngay trong đây, sát-na trước hiện hành thì tự tánh diệt hoại liên tục, không phải trước kia sát-na tự tánh của các Hành sinh khởi mà chánh quán là Sinh v.v...”, cho đến “chánh quán là Diệt”, nếu y theo Tiểu thừa, thì Sinh ở tại vị lai, ba tướng ở tại hiện tại, luận này thì y theo Đại thừa, ba tướng của Sinh v.v... ở tại hiện tại, Diệt ở tại quá khứ, như đoạn văn tiếp theo văn trước phân rõ, nói: “Xưa không nay có gọi là Sinh”, vì lựa riêng với Vô vi cho nên nói: “Vô vi là có, là xưa có mà nay cũng có”, Hữu vi thì xưa không nay có, nhưng luận kia nói “xưa có”, trước là sát-na, sau là Vô gián, Hữu không phải trước kia chủng loại sinh.

Hỏi: Nếu một Sắc pháp tại niệm trước diệt, niệm sau sinh, thì điều này rất giống nhau, tại sao nói câu “không phải trước kia”?

Đáp: Nếu không nói tương tự, thì chính là pháp kia, nếu chính là pháp kia, thì tức là một pháp thể. Thắng hạnh là pháp thường trụ, tức là không có diệt mất, vì không phải là pháp thể của sát-na trước, cho nên có câu nói “tương tự”. Nói “trụ”, Đại thừa có hai thuyết giải thích:

1. Hiện tại có thể có công dụng khiến dẫn quả sau, gọi là Trụ.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao Hậu tâm của A-la-hán gọi là Trụ, hay là vì không thể kéo dẫn Hậu tâm.

Đáp: Vì câu vấn nạn này cho nên có hai thuyết: Luận này ghi: Các Hành đã sinh rồi, thì ngay khi chưa hoại mà chánh quán là trụ, không nên đã sinh rồi thì dừng, gọi đó là trụ.

Hỏi: Nếu như thế thì trụ và sinh khác thời, cho nên Tiểu thừa khác nhau?

Đáp: Luận này nói, hiện tại Đại thừa nên nói rằng, các Hành đã sinh rồi thì ngay lúc đó chưa hoại, như quyển 52 nói: “Cũng đã đắc sinh vị rồi dừng, lấy lập làm trụ và dị”, hoặc nói: “Sinh pháp này biến hoại cho nên gọi là dị”. Luận này cũng không phải như vậy, tức là “cùng với khi sinh thì niệm riêng khác, cho nên lấy khi sinh chưa biến dị, sau biến dị mới gọi là dị”, tức là sinh và dị khác thời. Hiện tại nên nói rằng, pháp này đã sinh rồi thì hiện hành mong pháp trước diệt mất sát-na tự tánh của các Hành, chỉ có khởi riêng khác cho nên gọi là dị, tức là khác với niệm trước đều gọi là dị. Vì nghĩa này mà sinh và dị đồng thời diệt, hoặc là ngay hiện tại cùng với dị đồng thời mà gọi là diệt, ngay diệt là Vô pháp, trụ và dị là Hữu pháp. Như thế nào mà Hữu pháp đồng thời cũng có Vô pháp? Do đó luận này ghi: “Từ các Hành này sinh sát-na, sau đó ngay trên pháp đã sinh này mà sinh sát-na tự tánh diệt hoại của các Hành, lúc đó chính gọi là diệt, tức là do khi Hữu pháp không có, đến đời quá khứ mới lập tướng diệt, sinh và diệt, sáng và tối không đồng thời.

Hỏi: Nếu như thế tức là một sát-na, không có bốn tướng?

Đáp: Pháp này diệt, tức là khi pháp này sinh, như hai đầu bằng nhau, bình đẳng bình đẳng, cho nên một sát-na có sinh và có diệt.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao khi không sinh diệt, sau đó mới nói sinh?

Đáp: Từ ban đầu mà nói, vì lúc ban đầu phải có sinh, cho nên các pháp diệt không phải trước kia chỉ có diệt sau cùng, sau đó mới sinh khởi.

Hỏi: Trong các kinh đều nói ba Hữu làm Tướng, những gì là ba Hữu?

Đáp: Có hai nghĩa: một là Nhiếp trụ nhập vào dị, hai là Nhiếp dị nhập vào trụ. Trụ nhập dị, vì Trụ tương tự với Vô vi. Lại nữa, hoặc nghe các pháp có trụ, thì liền chán Hữu vi, tâm không dừng mãi. Luận này thì nói chỉ có dị, tức là Hữu vi đáng chán sâu xa, vì có dị, không đồng với Vô vi có trụ, cho nên lấy trụ tướng mà nhiếp nhập dị tướng. Hoặc phỏng theo Tiểu thừa, vì dị có thể diệt hoại và sinh pháp, đối với tướng công năng thù thắng thì trụ có thể kéo dẫn và sau đó sinh pháp, đối với diệt thì không có công năng, cho nên nhiếp trụ nhập vào dị.

2. Nhiếp dị nhập trụ, vì dị đối với sát-na của tự nó có công năng, đã sinh rồi thì hoại, gọi là trụ, cho nên có công năng. dị là khác với pháp trước, vì đối với niệm của tự nó không có công năng, cho nên nhiếp dị

nhập trụ. Lại nữa, dị thuận với tướng diệt, vì tự tánh không hiển hiện cho nên nhiếp dị nhập trụ.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao không nhiếp dị nhập diệt?

Đáp: Dị là Hữu pháp, diệt là Vô pháp, một là quá khứ, một là hiện tại, tướng mạo của dị và diệt tuy tương tự, nhưng không thể nhiếp vào diệt tướng. Dưới đây là Quyết Trạch quyển 53 và Bản Địa quyển 3 sao.

Luận ghi: “Tại sao các Hành khi sinh thì chỉ là các Hành như vậy có thể đắc sinh trụ lão diệt hữu dư không riêng khác, các Hành như vậy khi trụ lão diệt thì chỉ là các Hành như vậy có thể đắc sinh trụ lão diệt hữu dư không riêng khác”? Tại sao có bất đồng như vậy? Sau đây nêu ra bốn Tướng, vì lấy Nhiếp pháp ngăn che pháp, hoặc chỉ điểm pháp, chỉ điểm lẫn nhau, cho nên chỉ có nói các Hành sinh, cho đến các Hành trụ lão diệt. Nếu ngăn che pháp là ngăn che riêng biệt, thì có bốn Tướng thể, cho nên pháp ngăn che khắp hết, do đó nêu ra chung bốn Tướng.

Hỏi: Tại sao trong ngăn che sinh, không chỉ nói sinh, cho đến trụ, diệt cũng vậy?

Đáp: Vì trong trụ cũng có sinh, và vì khi sinh thì có trụ v.v... cho nên Đại sinh sinh ra tám pháp v.v... do đó ngăn che thì ngăn che khắp tất cả.

Luận ghi: “Như vậy suy ra thì tâm bất khả đắc”, là nếu lia các Sắc v.v... kia thì các Hành v.v... trở xuống, sẽ phá sinh của sự sinh ra Sắc, cũng phải có sinh, tức là Tiểu sinh trong Tiểu thừa.

Luận ghi: “Nếu nói là một, là kế chấp sinh thật có, tức là hoang đường. Nói rằng riêng Hữu sinh là thật vật có, thì không đúng đạo lý”, đây là phá Tiểu sinh. “Tiểu sinh hoặc cùng với Đại sinh là một”, là kế chấp có Đại sinh là thật vật có, tức là hoang đường, tại sao vậy? Vì Đại sinh sinh ra Sắc pháp, là Sắc mà riêng có sinh Tiểu sinh, thì Đại sinh đáng lẽ cũng riêng có Thể, Tiểu sinh sinh Đại sinh, hai sinh mà nói là một; Đại sinh sinh Sắc pháp, vì cùng với sinh cũng là một cho nên nói rằng riêng Hữu sinh là thật vật có là không đúng đạo lý.

Luận ghi: “Nếu nói dị, như vậy thì đáng lẽ Phi hành sinh sinh và Thị hành sinh sinh là không đúng đạo lý”, Phi hành sinh sinh tức là Tiểu sinh, Thị hành sinh sinh tức là Đại sinh. Nếu ông nói Tiểu sinh và Đại sinh khác nhau, thì đáng lẽ Tiểu sinh cũng tương tự Đại sinh, đáng lẽ có thể sinh Sắc, Đại sinh sinh Sắc pháp, cũng có thể sinh Tiểu sinh, Tiểu sinh và Đại sinh đáng lẽ cũng sinh Sắc pháp, Tiểu sinh phi hành sinh sinh có thể sinh Sắc pháp thì cũng ứng với Đại sinh Thị hành sinh sinh,

cho nên hai sinh khác nhau thì không đúng đạo lý.

Luận ghi: “Hoặc là diệt pháp mà riêng có tự tánh, thì thật thành thực liền xứng với diệt này, có sinh có diệt”, sư Pháp từ trên đến đây đã phá xong một lớp. “Tiếp theo trở xuống lớp thứ hai thì riêng phá diệt tướng”, không phải như vậy, hoặc chưa giải thích sinh sinh để thí dụ các tướng khác rất ráo, dưới đây nêu ra diệt và phá ở sau, đều là một cặp ngược nhau: “Tông của tôi chỗ nói diệt là Vô pháp, không có thành thực riêng, nếu ông nói rằng riêng có diệt tướng thì diệt này là Hữu vi, thì đáng lẽ riêng có sinh và có diệt, nếu khi diệt làm chỗ sinh của sinh, thì tất cả pháp đều đáng lẽ không dùng công lực mà tự nhiên diệt, như khi nhập Diệt định, thì Diệt tướng đã sinh, tùy theo Thức thứ bảy, Thức thứ tám, pháp Tâm, Tâm sở cũng phải đều diệt hết, vì diệt sinh, cả hai đã trái nhau cho nên các pháp khác phải diệt, nhưng đã không diệt, thì biết rõ chỗ nói của tôi: Khi pháp này không có thì gọi là diệt, không phải diệt riêng có sinh, sinh lấy diệt tướng mà có, do đó làm Sở sinh của sinh, có thể ngăn che Năng sinh”. Diệt pháp thì có diệt, căn cứ theo ví dụ này mà biết.

Luận: Trong giải thích Vô ngã, nói: “Bổ-đặc-già-la tánh Vô ngã trong các pháp không phải tức là Hữu pháp, chân thật hữu Bổ-đặc-già-la đó cũng không phải là pháp kia mà riêng có chân thật Bổ-đặc-già-la”, là phá ngay tại Uẩn này khác với Uẩn kia mà kế chấp Ngã.

Luận: Trong giải thích Niết-bàn tịch tĩnh, nói: “Nhân trước vĩnh viễn đoạn, sau đó diệt không sót, ngoài ra còn nghĩa khác”, tức là Hữu dư và Vô dư Niết-bàn. Lại nữa, nhân trước vĩnh viễn đoạn, là ở tại Vô gián đạo, sau đó đoạn dứt không sót là ở tại Giải thoát đạo. Lại nữa, nhân trước vĩnh viễn đoạn là ở tại tâm trên Gia hạnh mà nắp phục, sau đó đoạn không sót là đoạn Chứng tử. “Ngoài ra rất ráo không sinh”, là quả không sinh, vì đoạn nhân.

Luận ghi: “Hoặc Thượng thượng thắng cho đến Thượng cực, hoặc Thâm thâm thắng cho đến Thâm cực, hoặc kém, hoặc thù thắng, cho đến thù thắng cùng cực, Pháp giáo, Chánh giáo, Giáo thọ, Giáo giới v.v...”, là Thượng cực v.v... ba câu, một là giải thích Văn tuệ; Thâm cực v.v... ba câu, là giải thích Tư tuệ; Thắng cực v.v... ba câu là giải thích Tu tuệ. Trong ba Tuệ, mỗi mỗi đều có thượng trung hạ. Lại nữa, pháp Giáo và Chánh giáo, là ba câu ba phẩm của Thượng cực v.v...; Giáo thọ là ba câu ba phẩm của Thâm cực; Giáo giới là ba câu ba phẩm Cực v.v... của Thắng cực. Lại nữa, trong ba Tuệ ở trước, mỗi mỗi Tuệ đều có ba câu pháp Giáo, Chánh giáo v.v... thứ tự mà phối hợp.

PHẨM CÔNG ĐỨC THỨ NHẤT

Công là công lao, Đức là đạo đức, dụng công mà đắc đức này, gọi là Công đức. Trong đây thuyết minh rộng, gọi là phẩm Công đức.

Hỏi: Tại sao thuyết minh phẩm này tiếp theo sau?

Đáp: Trước đã thuyết minh Bồ-đề, tông là Quả giác phân hành của nhân, những thứ này vì trước khi hành thì phải có chỗ căn cứ, cho nên phẩm tiếp theo sau là thuyết minh phẩm Công đức. “Trong bài tụng thứ nhất có bảy môn, môn thứ hai có năm loại pháp hiếm lạ mà gọi là thành tựu pháp rất hiếm lạ”, đây là căn cứ theo tướng mà luận, người người đều có thể đắc, Thọ không hiếm lạ hoặc theo ý mà luận, thì không từ bỏ sự này gọi là pháp hiếm lạ. Lại nữa, tự loại mong nhau thì không hiếm lạ, Nhị thừa mong nhau thì rất hiếm lạ. Hiếm lạ thứ hai là im lặng không có ngôn thuyết. Im lặng, thật ra là Lạc vị, chỉ vì hữu tình mà thuyết chánh pháp. Lại nữa, tự nhập Niết-bàn, thì sự im lặng này lạc Lạc vị, vì hữu tình mà thuyết chánh pháp.

Luận ghi: “Do trong năm nhân duyên đối với chư hữu tình mà có thể khởi các Gia hạnh v.v... không hư dối”, cho đến “phải biết tướng của nó”, đây là hiểu rõ hai loại:

1. Đối với tâm của hữu tình khởi lợi ích an lạc.
2. Cho đến như thật liễu tri.

Như trong phẩm Cúng dường, hoặc là phát có năm sự, hai loại trên và thứ ba là Cho đến tùy thuận thuyết pháp, bốn là Không mệt chán, năm là Bi bình đẳng. Bài tụng tiếp theo có sáu môn, môn thứ nhất trong Gia hạnh không có Phật, là vì Phật không có Gia hạnh, cho nên bài tụng kế tiếp có năm môn, trong môn thứ năm có bốn sự, Ái ngữ Nhiếp Sắc và tất cả nhiếp sự, đây là sự thứ nhất, vì xa và gần đều là Cận, có thể dẫn ra khỏi thế gian mà nhập môn thứ nhất của pháp, vì Hóa nhiếp sự. Các môn còn lại thì không như thế. Tiếp theo có hai bài tụng, tổng có chín môn, bài thứ nhất có bốn môn, bài tụng thứ hai có năm môn, trong Pháp thi thiết thứ nhất của bài tụng thứ nhất, nói: “Thứ tự kết tập mà an trí chế lập”, Kết tập là kinh, An trí là Ma-đát-ly-ca, Chế lập là Tỳ-ni. Lại nữa, pháp ba Thừa lại cũng thứ tự tập hợp các văn đó, an trí tập hợp nghĩa của nó, chế lập các pháp Học xứ. Trong Đế của tăng thêm ba môn, thì Tướng đế là thể tướng của các pháp, Ngữ đế là giáo của Năng thuyết, Dụng là tác dụng của các pháp. Trong tăng năm môn, bốn môn trước là bốn Đế, một môn sau là Phi an lập đế. Trong tăng sáu môn, nói: “Một là Đế đế, hai là Vọng đế v.v...”, là nói về các sự chân vọng.

Lại nữa, thiện pháp gọi là Đế đế, các pháp bất thiện gọi là Vọng đế. Trong tăng bảy môn, tội lỗi của Ái vị là Tập đế và Khổ đế, Xuất ly là Diệt đế hoặc thông với Đạo đế, pháp tánh là Chân như, Thắng giải đế tức là Thắng giải đoạn ở tại Quả. Trong tăng chín môn, bốn môn trước là Khổ khổ, bốn môn sau là Hành khổ, hai môn kế là Thường và Đoạn, hai Kiến đoạn cũng gọi là Ái, tức là ái nhiễm Kiến này, tức là làm Tập đế, môn thứ bảy tức là Đạo đế và Gia hạnh trí, môn thứ tám và thứ chín tức là Diệt đế.

Luận: Trong giải thích bảy hành tướng của Thanh văn, có hai hành tướng là Sở y của Tuệ này. Sư Pháp nói: “Đây là tâm vương”. Lại nữa, đây là Định, chính trong Đại thừa cũng căn cứ theo đây.

Luận: Trong chỗ điều phục giới vô lượng, tăng bảy môn nói: “Một là khinh khi hủy báng, như chuyện của ông Điều Đạt, đã nhập vào sự khinh khi hủy báng. Hai là trung dung, như Chúng tập, ngôn ngữ rất mềm mại để điều phục. Ba là rộng nói về Trí. Bốn là lược nói về Đoạn, vì lợi căn và độn căn sai biệt”. Trong tăng chín môn nói: “Viễn cận điều phục”, như năm tháng, làm trường thời và đoản thời, vì khác nhau.

Luận ghi: “Như vậy Bồ-tát đã siêng tu học”, tức là kết đoạn văn pháp Bồ-đề phân trì trên, đoạn văn thứ nhất và đoạn “có thể tu học” thứ ba, văn dưới đây nói có mười loại, Bồ-tát đối với Bồ-tát mà tu học, có thể chánh tu học, trên đây lại càng không thể chánh tu học, tức là kết đoạn văn thứ ba “có thể chánh tu học” ở trước, cho nên biết ba Chế văn không đồng, như Học trì thứ ba, đoạn thứ nhất và thứ hai của Chế văn thứ nhất có văn sinh khởi nhưng không có văn kết, đoạn văn “có thể chánh tu học” này thì không có văn sinh khởi nhưng có văn kết, cho nên biết là loại hiển sơ lược, mà không nói phân ra có ba thuyết.

BẢN LUẬN 47
TRÌ THỨ HAI: TÙY PHÁP DU-GIÀ XỨ
PHẨM BỒ-TÁT TƯỚNG THỨ NHẤT

Bồ-tát địa có bốn Trì, bản luận này là Trì thứ hai. Trì thứ nhất là chánh thuyết minh Hạnh tu học, không phải không khác với phân tích người Năng học, Trì này là chánh thuyết minh người Năng học, đã học sở học rồi thì thành Bồ-tát tướng, Hạnh tùy theo pháp sở học gọi là Tùỳ Du-già xứ Bồ-tát địa, thứ nhất trình bày mười phẩm, phẩm thứ nhất là Trì, có mười tám phẩm, phân làm ba Trì, là Chủng tánh, Phát tâm và pháp Bồ-đề phần, như trước đã nói thiên về tên gọi được Trì. Trì thứ hai này có bốn phẩm đó, tức là Tướng, Phần, Tăng thượng, Ý lạc trụ. Tướng, là thành thực pháp này mà nhập tướng của Bồ-tát cho nên gọi là Tướng. Phần v.v... như ở đầu của phẩm sau sẽ nói phẩm này trước Trì thứ hai, cho nên nói là Tướng phẩm thứ nhất.

Luận: Tụng ghi: “Hàng Bồ-tát chân thật, có năm tướng phải biết” trở xuống, văn Trường hàng giải thích là Ai mãn v.v... năm loại, năm thứ thể tướng này, như pháp nhiếp sáu Ba-la-mật chính là nó:

1. Ai mãn, lấy Định làm Thể, đây là Đại bi nương vào Định mà phát khởi, Thể này là Định nhiếp Thọ, không có tánh thiện căn của Sân, không luận về Trí năng phát.

2. Ái ngữ, thuộc Thi-la Bát-nhã đáo bỉ ngạn nhiếp, hoặc vì từ Luật nghi mà hành, vì Bát-nhã dẫn sinh, cho nên do hai thứ này nhiếp. Nếu căn cứ theo phẩm Thí ở trước, hoặc là phẩm Nhiếp và bốn Nhiếp nhiếp Bồ thí độ thì chỉ nhiếp Bồ thí, bốn Độ còn lại thuần là Đồng sự nhiếp, nếu trừ Bồ thí ra thì còn lại ba Nhiếp sự đều là Trí tuệ độ nhiếp. Luận này ghi: “Ái ngữ là Thi-la”, đây chính là nương vào Giới mà hành, chỉ nương vào giới không Vọng ngữ v.v... luận kia là không lìa Thể, vì tất cả hành đều do Trí phát khởi.

3. Dũng mãnh, do ba độ Tinh tấn, Nhẫn và Tuệ nhiếp, thật ra chỉ là Tinh tấn nhiếp, vì do Tuệ phát khởi, an chịu thời gian khổ nhẫn lâu dài, cho nên gồm chung để luận.

4. Rộng tay ân huệ bố thí là Thí độ nhiếp.

5. Có thể hiểu mật ý nghĩa lý thậm thâm, là Định tuệ nhiếp, hoặc chỉ tại Thể là Tuệ, vì Tuệ thù thắng do Định phát khởi, đều là từ thù thắng phát khởi đồng thời mà hành, nói là Định. Năm loại này đều do nương hành sáu Độ mà thành tựu, năm loại này nhập vào Bồ-tát tướng.

Luận: Trong giải thích tự tánh của dũng mãnh, nói: “Là hàng Bồ-tát cương quyết kiên cố không có chỗ khiếm nhược, có thế lực lớn”, sư Cảnh và sư Pháp lấy ba loại Nhẫn tấn trí làm Thể, thứ tự mà phối hợp. Hiện tại xem ý văn thì không phải như vậy, chỉ thuyết minh thiên về Tinh tấn, tức là mặc giáp Tinh tấn v.v... ba thứ, theo thứ tự mà phối hợp. Tu trong đây không thuyết minh Nhẫn trí, vì nắm lấy ngay tự thể

Luận: Trong giải thích Y xứ, nói y là y tựa lẫn nhau, nương vào xứ phát khởi của tướng, Y xứ của Hữu vi, cũng là chỗ y của sáu nhân. Trong đoạn “có thể hiểu mật ý nghĩa lý thậm thâm của Y xứ”, có năm nghĩa: Y xứ thứ nhất là Tùy thuận thậm thâm, Thậm thâm hiển hiện v.v... Thậm thậm là Chân như tùy thuận, tức là Trí duyên Chân như, vì tùy thuận Chân như; Thậm thâm hiển hiện tức là nương vào Trí mà Chân như hiển hiện. Trong Y xứ thứ tư, nói: “Pháp tướng nghĩa”, Tướng là Danh năng thuyên, Nghĩa là Pháp sở thuyên. Y xứ thứ năm tức là Vô ngại giải.

PHẨM PHẦN THỨ HAI

Trước đã nói: “phẩm Dực”, phẩm Dực là tu hành bốn pháp, như cánh cửa loài chim, cho nên gọi là phẩm Dực. Luận này thì không phải như vậy, là trong giải thích Hạnh ở trước nói: “Nhập Bồ-tát tướng, hai phần tại gia và xuất gia đều tu, vì nương vào hai phần tu mà gọi là Phần, cho nên gọi là phẩm Phần”, điều đó chính là tại sao thuyết minh Phần? Vì đã nhập Bồ-tát tướng, tại gia xuất gia đều đặc cho nên thuyết minh Phần tiếp theo sau.

Luận: “Tại sao Bồ-tát nhiều ích đối với người khác? Là vì hàng Bồ-tát y theo bốn Nhiếp sự, tức là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự, có thể ban cho hữu tình một phần lợi ích, cho đến một phần an lạc, một phần đều có đủ”, tức là bốn Nhiếp sự này, mỗi mỗi đều có lợi ích an lạc thì cũng được, tuy bố thí tài vật kia nhưng khiến cho phát tâm v.v... gọi là lợi ích, đã được vật dụng thì đó là an lạc, như vậy cho đến mỗi mỗi đều có đủ, tùy theo đó mà biết. Nếu không như thế thì Lợi ích và Ái ngữ tùy theo tăng trưởng mà nói là lợi ích, ngoài ra Bố thí là an lạc, Đồng sự thì thông với cả hai lợi ích và an lạc, vì đồng là thiện và ác.

Luận: Trong giải thích Vô đảo hồi hương, “ba môn tích tập”, ba là ba thứ khéo tu sự nghiệp:

1. Phương tiện thiện xảo.
2. Nhiều ích đối với người khác.
3. Là ba môn.

Luận ghi: “Xuất gia Bồ-tát xưa nay có thể hành Câu toả phạm hạnh”, Câu toả (móc sắt và khoá) là có ý lấy nghĩa là tướng câu ngại. Người xuất gia có cấm giới, để đề phòng ba nghiệp ác, cho nên giống như móc khoá. Tại gia Bồ-tát thì không như vậy, vì xưa nay phóng dật.

PHẨM TĂNG THƯỢNG Ý LẠC THỨ BA TỨC LÀ PHẨM THỨ BA TRONG TRÌ THỨ HAI

Trong đây thuyết minh chung nhập vào sự phát tâm Ý lạc của hàng Bồ-tát, có mười lăm loại, trong đây rộng thuyết minh gọi là phẩm Tăng thượng ý lạc. Ý lạc lấy Tín, Dục và Thắng giải làm Thể, vì đây là Ý lạc tăng thượng cho nên gọi là phẩm Tăng thượng ý lạc. Tại sao thuyết minh phẩm này? Vì muốn hành Bồ-tát hạnh, y theo mỗi mỗi phần tu mà khởi, tu thì hiểu rõ pháp có Ý lạc, Ý lạc tức là mong muốn, cho nên tiếp theo thuyết minh phẩm này. Có câu nói “Tăng thượng”, giống như chỉ ở tại Địa thượng, nương vào đó mà trợ nghĩa, thông với Địa tiền không có phương hại.

Luận: Trong giải thích bảy Tướng thượng tiếu, pháp trong phần thứ năm nói: “Đó gọi là Vô nhiễm cũng gọi là Vô duyên”, không cầu báo ân gọi là Vô nhiễm, không cầu hậu quả là Vô duyên. Lại nữa, hai thứ đều là Vô nhiễm, vì Nhiễm thông với quả thế gian đời sau, cho nên Duyên cũng thông.

Luận ghi: “Uy lực của thần thông đồng thời sinh uy lực”, là Uy lực của thần thông từ Định dẫn sinh. “Đồng thời sinh uy lực”, là trước kia tập quen cho nên khi thần thông sinh thì Uy lực liền khởi.

Luận ghi: “Lại nữa, hàng Bồ-tát không thanh tịnh ý lạc, thì đó gọi là nên điều phục ý lạc, vì Ý lạc này phải tư duy chọn lựa. Lại nữa, hàng Bồ-tát thanh tịnh ý lạc, khéo thanh tịnh ý lạc thì đó gọi là Câu sinh ý lạc v.v...”, Bồ-tát Địa tiền chưa chứng pháp, chỉ hiện thần thông v.v... mà điều phục nó, từ Nhập địa trở đi, tự chứng Chân như, tu tập nhiều kiếp, thần thông cùng với thân đồng thời sinh, khéo thanh tịnh, thanh tịnh ý lạc, là Câu sinh ý lạc, vì tánh của Thanh tịnh ý lạc trở thành Thiệt thanh tịnh an lập.

PHẨM TRỤ THỨ TƯ

Trụ là nghĩa gì? Tức là nhân theo mười hai Trụ. Năng trụ, Sở trụ, Hữu vi và Vô vi trong Bồ-tát trụ cho nên gọi là Trụ, trong đây rộng thuyết minh cho nên gọi là phẩm Trụ. Lại nữa, tại sao thuyết minh phẩm này ở sau? Vì Tăng thượng ý lạc là chỗ hy vọng của ba kiếp, hiện hành hạnh giáo hóa chúng sinh, tự hành viên mãn, ban đầu phát tâm, cuối cùng đạt đến cực quả. Phần vị sai biệt, vì tổng có mười ba Bồ-tát trụ, cho nên tiếp theo là thuyết minh phẩm này, tức là Trì tướng v.v... phẩm thứ năm trong mười phẩm.

Luận ghi: “Như vậy bắt đầu từ Chủng tánh cụ túc”, rộng nói cho đến đối với như chỗ nói “sở học chánh cần tu học của Bồ-tát”, đây là thuyết minh mười tám phẩm trong Trì thứ nhất, từ Chủng tánh thứ nhất cho đến chưa tu công đức phẩm, là đối với như chỗ nói “các tướng chánh đẳng hiển hiện của Bồ-tát”, là Tướng phẩm thứ nhất trong Trì này. “Chánh cần tu học trong phần Gia hạnh của hàng Bồ-tát”, là Phần phẩm, như chỗ nói: “Ý lạc của Bồ-tát”, là Tăng thượng ý lạc phẩm.

Luận: Trong giải thích ba Trụ của Tăng thượng tuệ, nói: “Là hàng Bồ-tát như thật liễu tri, có thể quán chân thật”, tức là trong Địa thứ tư quán pháp Bồ-đề phần, pháp Bồ-đề phần là Năng quán, trong Địa thứ tư thì quán Phần pháp này gọi là Như thật liễu tri. Năng quán chân thật và Sở quán chân thật, là quán bốn Đế trong Địa thứ năm, bốn Đế là Sở quán. “Và đối với chân thật chư hữu tình loại do không có Trí”, đây là giải thích Địa thứ sáu khởi quán, trong Địa thứ bảy thì gọi là Hữu gia hạnh và Hữu công dụng. “Vô gián thiếu khuyết Đạo vận chuyển Vô tướng trụ”, là Địa này không phải không có tâm Hữu lậu ngăn cách, mà lấy nhiều Quán vô lậu tương tục để là luận, cho nên nói là Vô gián, không phải thật không có gián đoạn, Địa thứ tám thì không phải như vậy.

Hỏi: Địa thứ tám trở đi thật sự đã không có ngăn cách, tại sao Ấn Độ có hai giải thích, nói rằng Địa thứ tám khi có tâm Hữu lậu?

Đáp: Các giải thích này đều là căn cứ theo nhiều lời nói tương tục, không phải không khởi tâm Hữu lậu, vì trong Địa thứ chín đã đắc Vô ngại giải.

Luận ghi: “Có thể đối với Dị môn của các pháp”, là pháp phân tích, nghĩa phát khởi thì Nghĩa phân tích, giải thích Từ ngữ thì Từ ngữ phân tích, sai biệt phân tích, Phân tích tức là bốn Biện tài. Tướng của Địa thứ mười trước hết chiếu thế giới v.v... rộng như trong Thập Địa của

Hoa Nghiêm kinh phân tích.

Luận ghi: “Lại nữa, Thắng hạnh trụ của hàng Bồ-tát, đối với Bồ-tát tu chỗ hóa độ nhỏ hẹp, chỗ hóa độ có thiếu khuyết, chỗ hóa độ bất định, chỗ đắc có Thoái chuyển v.v...”, nói nhỏ hẹp là chỗ làm không rộng; nói có thiếu khuyết là chỗ làm bất thường, có phạm giới ác thân ngữ, hành vi bất định thì khởi hạnh không kiên cố, có khi bị Thoái chuyển; chỗ đắc có Thoái chuyển là không thể thuần tinh tấn, đây là hai thứ khác biệt. Lại nữa, bất định là thường ôm do dự; có Thoái chuyển, là không thể thắng tấn cho nên Thoái chuyển. Ngay dưới đây chính là nói rộng Đại tiểu ngược lại trước.

Hỏi: Địa thứ tám trở đi, cùng với Sơ địa v.v... Bất Thoái chuyển v.v... có gì khác nhau?

Đáp: Sơ địa v.v... có công dụng không thể trong từng sát-na tiến tới chấp, đã đắc rồi sinh thì gọi là Bất Thoái chuyển, Địa thứ tám trở đi không có sát-na nào mà không tiến tới, cho nên gọi là Bất Thoái, đây là hai thứ khác biệt.

Luận ghi: “Năm loại Úy”, là không nói Úy v.v... căn cứ theo Đối trị dưới đây, là Sở trị của năm Bồ v.v... là Thể của Bồ này. Bồ này lấy gì làm Thể mà không nói Úy? Lấy Ngã kiến và Ngã ái trợ sinh Ái làm Thể, cho nên dưới nói: “Do tu Vô ngã trí phân biệt Ngã tướng lại còn không chuyển trở lại, hướng chi đang đắc Hữu phân biệt Ngã ái hoặc là Trợ sinh ái, cho nên biết lấy Ngã kiến và Ái làm Thể”. Ác thứ hai gọi là Úy, lấy Dục tham làm Thể, cho nên văn dưới nói: “Do đối với xứ khác không có chỗ hy vọng mà thường tự phát khởi thích muốn như vậy: Ta sẽ nhiều ích tất cả hữu tình, không phải đối với hữu tình có chỗ tâm tìm kiếm. Do nhân duyên đó mà không có Ác nào gọi là Úy, cho nên biết lấy Tham dục làm Thể”. Tử úy thứ ba, lấy Ngã kiến làm Thể, cho nên văn sau nói: “Do lìa Ngã kiến, đối với Ngã không có tướng chuyển hoại mất, cho nên không có Tử úy, cho nên biết lấy Ngã kiến làm Thể”. Ác thứ úy thứ tư, lấy Si làm Thể, luận dưới ghi: “Tự biết sau khi chết, sẽ đối với đời tương lai quyết định gặp chư Phật Bồ-tát”, do quyết định này mà không có Ác thứ úy và năm Xứ chúng khiếp úy, lấy Si làm Thể, cho nên luận dưới ghi: “Do Ý lạc thấy tất cả thế gian, còn không thấy một người nào ban cho ta bình đẳng, hướng chi là thù thắng”, do đó không có Xứ chúng khiếp úy, Sở trị này lấy Si làm Thể. Lại nữa, như Phật Địa kinh nói: “Phải có riêng Thể”, hãy xem kinh đó.

Luận ghi: “Thành tựu nhỏ hẹp là Văn sở thành trí v.v...”, đây là thuyết minh Tuệ căn. “Lại nữa, ngay tại thành tựu này hoặc có khi

vọng mất”, đây là thuyết minh Niệm căn. “Thành thực khổ của Bồ-tát chậm chậm thông hành”, đây là thuyết minh Ý căn. “Đối với đại Bồ-đề không có dừng mãnh ưa thích”, đây là Nguyện dục vô giảm. “Rất tinh tấn”, đây là thuyết minh Cần căn. “Không có Thâm thâm lao cố thanh tịnh”, là Tín căn.

Luận ghi: “Hoặc trong một lúc đầy đủ Ưc niệm, hoặc trong một thời trở thành Vọng niệm loại”, là hữu tình đặc và bất đặc, cho nên gọi là Vọng niệm loại, vì không phải hoàn toàn Vọng niệm cho nên nói là Loại.

Luận ghi: “Như trên nói tất cả viên mãn trong Bồ-tát Học chưa có thể học rộng”, đây là mười tám phẩm của Trì thứ nhất. “Như trên nói cho đến các tướng của Bồ-tát đều thành thực”, là phẩm Tướng trong Trì này. “Như trên nói v.v... cho đến Nhị phần Bồ-tát trong Chánh gia hạnh chưa bình đẳng hiển hiện”, là Phần phẩm. “Như trên nói Bồ-tát Ý lạc cũng chưa thanh tịnh”, là Tăng thượng ý lạc phẩm. “Nhị Phần Bồ-tát trong Chánh gia hạnh chưa bình đẳng hiển hiện”, là chưa có thể nương vào Nhị Phần, chưa tu Chánh hạnh, gọi là chưa hiển hiện.

Luận ghi: “Thắng giải hạnh trụ của hàng Bồ-tát đó Hạ nhãn thời (khi Nhãn xuống thấp) chuyển biến như chỗ nói trên về trạng tướng của các Hành, phải biết là Thượng phẩm, cho đến vĩnh viễn đoạn không sót”, là chỗ ở trước về tội lỗi của Địa tiền tại Thập tín vị, gọi là Hạ nhãn thời, lỗi này là thượng phẩm, ở tại Thập giải và Thập hạnh thì gọi là trung phẩm, ở tại Thập hồi hướng thì gọi là Thượng nhãn, chính lỗi đó là trung phẩm và hạ phẩm.

Luận: Trong Nhập cực hỷ trụ, nói: “Trừ Xả kia cho nên phát khởi sáu tướng tân thiện quyết định”. Những gì là sáu tướng?

Luận ghi: “Nội chứng tu tánh Bồ-tát đại nguyện, vượt qua tất cả các Bạch tịnh nguyện khác”, là nguyện thứ nhất, Cự luận Địa trì có các số một, hai v.v... Thập địa luận ghi: “Thứ nhất gọi là Quán tướng”. Kinh ghi: “Không lìa”, là nguyện tâm Bồ-đề không lìa nguyện, tức là lấy Hậu đặc trí để quán, nếu được như văn này, thì nói là “Nội chứng tu tánh Bồ-tát đại nguyện”, sư Pháp nói đây là Vô phân biệt trí. “Vô đẳng bất cộng quả là thế gian vượt qua tất cả cảnh giới thế gian”, là nguyện thứ hai. Địa luận nói là: “Chân thật thứ hai”, kinh nói là: Bất khả kiến”, là Hậu đặc trí, là quả Vô đẳng bất cộng của Nhị thừa, lìa thế gian đó, để duyên sự, cho nên vượt qua tất cả cảnh giới thế gian, do đó kinh nói là Bất khả kiến, tức là Hậu đặc trí, vì tùy thuận cứu tất cả hữu tình Khổ cho nên không cùng chung với tất cả Thanh văn và Độc giác, là nguyện

thứ ba. Địa luận ghi: “Thắng thiện thứ ba”, kinh ghi: “Quảng đại như pháp giới”, tức là Hậu đắc trí khởi Đại bi cứu sinh, cứu khắp quần sinh cho nên nói là Quảng đại. Lại nữa, có nghĩa khác, như dưới đây hội giải thích trong phần thứ năm: “Tuy một sát-na sinh khởi nguyện này, pháp tánh tự như thế có thể đắc vô lượng quả Bạch pháp khả ái của Bồ-tát”, là nguyện thứ tư. Địa luận ghi: “Nhân thiện thứ tư”, kinh nói: “Cứu cánh như hư không tận vị lai tế”, nói là do nguyện này bằng với Nhân thiện cho nên có thể đắc vô lượng quả Bạch pháp, như hư không. Lại nữa, “Đại nguyện không biến đổi, vô tận nhân tánh đã đắc rồi thì không khác với Nhân duyên, khiến cho sự Thoái chuyển biến dị có thể đắc”, là nguyện thứ năm, Đại thiện thứ năm của Địa luận, kinh ghi: “Lời nói che khuất, nhất thiết chúng sinh giới, xem qua hình thế, tương đương với thứ tự này ba lần tùy cứu tất cả hữu tình”, là Đại thiện thứ ba kia. Kinh nói: “Quảng đại như pháp giới”, là Đại thiện thứ năm này, là đắc nguyện vô tận bất khả Thoái chuyển, rộng lớn như pháp giới vậy. “Lại nữa, Thắng phần đó đọa vào cực đại Bồ-đề biên tế tối hậu”, Địa luận nói là: “Bất khiếp nhược thứ sáu”, kinh nói là: “Có thể nhập ba đời trí địa”, là nguyện thứ sáu, nguyện này là Thắng phần, có thể đọa vào Hậu biên tế, có thể cùng tận đại cực Bồ-đề mà nhập ba đời trí địa, ba đời trí địa tức là Phật quả; đắc đại Bồ-đề thì có thể không khiếp sợ, không đối với đại Bồ-đề mà sinh khiếp sợ, ba nguyện sau thông với hai trí, ba nguyện trước cũng như trước.

Luận ghi: “Ngay như vậy Bồ-tát phát tâm, lược do bốn tướng xứng với sở đắc phải biết rõ”, chính hai tướng đầu thì luận có văn kết, tướng thứ ba thứ tư thì không có văn kết.

Luận ghi: “Lại nữa, chư Bồ-đề vô đảo, nhanh chóng phát khởi tất cả tư lương tùy thuận của Bồ-đề v.v... đến Quảng đại nguyện tâm”, là tướng trạng phát tâm thứ ba. “Lại nữa, hàng Bồ-tát phát tâm đó rồi, vượt qua Bồ-tát phàm phu, Dị sinh địa v.v...” trở xuống, là thuyết minh riêng từng thắng lợi của sự phát tâm thứ tư, như Thập địa luận, trong đây thì xưng riêng, như trong kia thì có tám lỗi, từ lỗi Nhập vị cho đến Tất định, một lỗi Nhập vị tức là Nhập địa siêu vượt Dị sinh địa; sinh vào nhà Như Lai là lỗi nhà; là con ruột của Phật thì là lỗi chúng, từ khẩu Phật sinh, từ pháp hóa sinh v.v... là theo loại mà nói; quyết định tiến đến Bồ-đề là lỗi Tất định, trong đây có bốn loại, ngoài ra lược bỏ không nói.

Luận ghi: “Mười loại Đại nguyện, đây là đối với Cực hoan hỷ trụ này có thể dẫn phát đầy đủ v.v...”, đây đều là nhân duyên phát khởi mười nguyện, cũng tức là Thập nguyện, hoặc Tiền phương tiện gọi là

Nhân duyên, hoặc ngay lúc khởi gọi là Căn bản nguyện, rộng như kinh Thập Địa nói. Trong nguyện thứ tám, “cùng với hàng Bồ-tát thường đồng Nhất vị, Ý lạc, Gia hạnh v.v...”, như Cựu luận nói: “Là cùng với tất cả Bồ-tát đồng một phương tiện, dùng Đại thừa mà hóa độ, gọi là Nhất vị”.

Luận ghi: “Khởi nguyện như vậy: Như có hữu tình giới nào triển chuyển tương tục rốt ráo không đoạn tận v.v...”, ý nguyện này trước Thập nguyện, cho đến Bồ-đề rốt ráo không có lỗi vọng, văn dưới nói thành thực trước các sự đáng nguyện mà khởi nguyện, nói rằng trước là Thập nguyện, sau tức là Thực nguyện (nguyện chín muồi), vì để khởi nguyện, nói: “Thế đạo như vậy v.v... vô tận v.v...” tức là Khí thế giới vô tận.

Luận: Trong giải thích mười loại Tịnh tu trụ pháp, nói: “Loại thứ tám tức là trong Chánh gia hạnh như vậy mà y theo đúng thời và phần lượng v.v... chánh hạnh mà tu tâm quý v.v...”, Thời là như Thời kiếp cuối cùng của năm Trước, là tùy thời này có thể hành pháp này; Phần lượng là tùy theo bao nhiêu pháp đó. “Lại nữa, trở lên Sơ địa có tám loại, là Thiện quyết định cho nên bốn tướng phát tâm v.v...”, là kết đoạn văn trên.

BẢN LUẬN 48

Luận: Trong giải thích mười loại Ý lạc thanh tịnh, chín loại trước là Tự lợi, một loại sau là Lợi sinh.

Luận ghi: “Trong Trụ này, tánh giới cụ túc có rất ít chỗ nhiếp của nghiệp đạo tà ác, các ác phạm giới cũng không hiện hành, huống chi trung phẩm và thượng phẩm”, đây là thuyết minh Luật nghi giới thành tự, không phải chỉ có Tánh giới. Trong Giá giới cũng có thể phòng hộ, đây là chỉ căn cứ theo Tánh giới mà luận.

Luận ghi: “Lại nữa, đối với mười loại nghiệp đạo tự tánh viên mãn hiển hiện”, ý vẫn là có thể biết mười Ác nghiệp đạo, theo thiện nghiệp đạo viên mãn tự tánh hiển hiện mà nói, thì đều hiện hành, như văn kết ở dưới, vì văn này thuộc đọc ở dưới.

Luận ghi: “Bồ-tát như vậy Tánh giới cụ túc, có thể lấy Diệu tuệ đối với nẻo ác nẻo thiện nhiệm bất nhiệm và trong các nghiệp hiện hành, hoặc nhân hoặc quả, tu chứng an lập, như thật Liễu tri v.v...”, hoặc là có thể lấy Diệu tuệ trong nhân quả nhiệm bất nhiệm, nẻo ác nẻo thiện của thế gian và ba Thừa, các nghiệp hiện hành hoặc nhân hoặc quả, tu chứng an lập, như thật biết rõ đối với nhiệm và bất nhiệm của thế gian. Các nghiệp hiện hành Dị thực Đẳng lưu quả và các nghiệp Đẳng lưu xuất thế đều biết rõ như thật.

Luận ghi: “Rộng thấy Thiện căn thanh tịnh của chư Phật, như trước nên biết”, là trong Sơ địa ở trước. Nói rằng: “Là vì đối với Phật pháp tăng cúng dường nhiếp thọ, lấy bốn sự thành tựu hữu tình, lất tất cả Thiện căn hồi hướng Bồ-đề v.v...”, tuy các Địa cõi dưới cũng thông với cõi này. Các Địa khác làm ba Địa.

Luận: “Nói rằng: “Lấy chỗ luyện kim Trí-ca-tứ-sa”, là Phàn thạch (hàng rào đá) vì có cấu kết vi tế, cho nên đặt Phàn thạch để trừ nó. Địa thứ hai này có chín đoạn, là Ý lạc tịnh, Tánh giới cụ túc v.v... căn cứ theo nghĩa của các văn dưới tổng kết từ trên đến đây mà phối hợp. Như Địa thứ hai trở xuống, các Địa tùy theo văn tổng kết, có bao nhiêu chữ “cho nên” tức là đặt ra Địa này có bấy nhiêu đoạn văn, căn cứ theo nghĩa mà nên biết. Như mười loại Ý lạc tịnh trước ở tại Sơ địa, là hạ phẩm và trung phẩm chưa viên mãn tại Địa này, là thượng phẩm, là viên mãn tất cả Địa của cõi dưới, căn cứ theo ý này mà hiểu, nguyên nhân biết được là vì văn luận có hai Địa thành thượng phẩm cực viên mãn, tại Sơ địa vì có câu “Ý lạc tịnh” này.

Địa thứ ba. Luận ghi: “Bồ-tát an trụ Tầng thượng tâm trụ có thể

lấy các thứ hành tướng tội lỗi hoại tất cả hạnh đối với các hạnh kia trong thâm tâm chán lìa v.v...”, là Bồ-tát khi an trụ Tăng thượng tâm trụ, là tất cả các thứ tội lỗi, có thể phá hoại tất cả Thiện hạnh, Bồ-tát đều có thể đối với các Hạnh kia mà trong thâm tâm chán lìa.

Luận ghi: “Đối với chư hữu tình hưng khởi tâm không luyến ái, sinh Y nghĩa tâm”, sinh Y nghĩa tâm có nghĩa là sinh tâm lợi lạc. Nghĩa, là Nghĩa lợi.

Luận ghi: “Quán chư hữu tình giải thoát nhiều khổ cứu cánh phương tiện chỉ là trí Vô chướng ngại của tất cả Phiền não và các Triền v.v...” cho đến “quán chỗ dẫn phát tất cả Tĩnh lực, Đăng trì, Đăng chí, đều do Bồ-tát tạng lấy Văn làm đầu, đều nghe chánh pháp lấy làm duyên khởi v.v...”, chư hữu tình giải thoát nhiều khổ cứu cánh phương tiện chỉ là trí Vô chướng ngại của các Triền, tức là Vô phân biệt trí, nếu có trí Phiền não chướng thì không thể cùng với hữu tình khởi nguyên nhân giải thoát khổ rất ráo, người quán nếu có thể chứng viên mãn cứu cánh phương tiện trí này, thì chỉ có Tuệ vô phân biệt đối với tất cả các pháp, vì tất cả pháp Phân biệt hiện hành thì tạp nhiễm sinh khởi, đó là Sở đối trị của Vô phân biệt tuệ, Năng đối trị có thể chứng viên mãn thì quán này có thể thành biện tài, Chánh trí này thuyết minh trước tiên đều do đồng thời thù thắng hơn Tam-ma-địa quán, chỗ dẫn phát đồng thời, cho đến tất cả Đăng trì, Đăng chí, đều do Bồ-tát tạng lấy Văn làm đầu, đều nghĩa chánh pháp làm duyên khởi, các Định này các Triền không chướng ngại, lấy làm Chánh trí để đoạn Hoặc. Vô phân biệt tuệ thông với Hậu đắc trí, vì chứng giải thoát viên mãn.

Luận ghi: “Nếu nghe một câu hoặc bốn câu tụng, hoan hỷ vui mừng thì đắc các trân bảo v.v...”.

Hỏi: Tại sao như vậy?

Đáp: Vì thọ dụng tài vật thì có khi hết sạch, thọ dụng pháp thì vô cùng. Lại nữa, tài vật thì đạt được quả của thế gian, pháp thì đạt được quả xuất thế gian, tài vật không ra khỏi sinh tử, pháp thì ra khỏi sinh tử, rộng như lý như vậy mà phân biệt.

Luận ghi: “Cấu uế ở đây dứt tận xứng với lượng v.v... mà trụ, như vậy Bồ-tát v.v...”, là vàng của Địa trước nung luyện chưa tinh, một lần nung đem cân còn nặng, nung một lần nữa, đem cân thì nhẹ hơn chút ít, nặng nhẹ không bằng nhau, hiện tại trong Địa này thì xứng với Lượng và Thời, đã đến tinh vi. Trong đây có chín đoạn văn, căn cứ theo trên mà phối hợp với văn.

Trong tổng kết giải thích Danh, phát khởi Văn và hành chỗ hiển

thị chánh pháp Quang minh và Đẳng trì quang minh”, do phát khởi nghe và hành chánh pháp Quang minh, là khi tìm cầu pháp, thì Văn tuệ chiếu soi pháp Quang minh, do nghe mà sinh Tu. Nói rằng: “Đẳng trì quang minh v.v... do Nội tâm thanh tịnh”, là Địa này chứng Nội tu tuệ quang minh. Nói rằng: “Nội tâm hành Vô lậu gọi là Tịnh ý, gọi là Nội tâm”, tức là Định. Địa luận thứ tư ghi: “Mười pháp Minh Nhập”, Minh là Trí, Nhập là Chứng, là Đắc, là hiểu các giải thích, là trí có thể chứng mười pháp.

Luận ghi: “Hoặc là giả thiết kia, hoặc trong đó giả thiết, hoặc do giả thiết này v.v...”, cho đến “hoặc do Sở tịnh của Vô thượng thanh tịnh”, đây là mười pháp Minh nhập, như trong kinh Thập Địa, trong đó có bảy chữ “hoặc”, năm chữ đầu mỗi mỗi đều là Minh nhập, hai chữ sau tách rời ra làm năm, chữ thứ sáu tách rời làm ba, chữ thứ bảy tách rời làm hai. Hoặc là giả thiết đó tức là duyên của hữu tình, thật ra không có hữu tình, chỉ có giả thiết cho nên gọi là hữu tình, do đó gọi là giả thiết. Chữ “hoặc” thứ hai “giả thiết trong đó”, tức là duyên của thế giới, là hữu tình trụ trong đó, thật ra không có thế giới, chỉ vì trụ trong đó mà giả thiết là sinh. Chữ “hoặc” thứ ba “do giả thiết này”, là duyên của pháp, tức là pháp thiện ác v.v... của mười tám giới, thật ra không giống như pháp này, do đây mà quán Danh của hữu tình v.v... đều do giả thiết này. Chữ “hoặc” thứ tư “Bình đẳng thắng nghĩa”, như kinh Thập Địa là duyên của Không, sư Pháp có hai thuyết, một là Sự không, hai là Lý không, tức là Chân như gọi là Không. Luận này ghi: “Vì Bình đẳng thắng nghĩa mà biết là Chân như”. Chữ “hoặc” thứ năm “Nhiễm não cho nên thanh tịnh, cho nên thành nhiễm thành tịnh”, là duyên của Thức, vì Thức là Nhiễm não và Thanh tịnh, cho nên thành nhiễm thành tịnh. Chữ “hoặc” thứ sáu “do chỗ nhiễm của phiền não trói buộc”, là duyên của ba cõi, tức là chỗ nhiễm phiền não trói buộc của cõi Dục và cõi Vô sắc, tức là ba loại. Chữ “hoặc” thứ bảy “do Sở tịnh của Vô thượng thanh tịnh”, là Thiện tịnh và Đại thiện tịnh, Thiện tịnh là tịnh của Nhị thừa, Đại thiện tịnh là tịnh của Đại thừa, tức là hai loại, rộng nói như kinh Thập Địa.

Luận ghi: “Như khế kinh nói: Không hoại ý lạc mà làm thượng thủ, tất cả mười loại Năng thành thực trí, trí thành thực pháp, đều được thành thực”, là mười loại Pháp trí có thể thành trí, trí là Sở thành, mười loại này là pháp thành thực trí, đó là ý nghĩa trong đây. “Không hoại ý lạc mà làm thượng thủ”, tức là pháp thứ nhất trong mười pháp, cho nên nói là Thượng thủ. Cựu địa trì ghi: “Thành thực không hoại tịnh làm

đầu”, kinh Thập Địa tương đương pháp thứ hai, đồng kính Tam bảo gọi là Bất hoại tịnh. Trong đây nói “làm đầu”, cũng như Cựu luận nói “loại”, bản văn tiếng Phạm thì thì ở tại thứ nhất, cho nên nói là Thượng thủ, luận này giải thích thì không phải như vậy, nghĩa là luận ghi: “Lớn lên trong nhà Như Lai, đắc Thế pháp kia”, lên Sơ địa gọi là sinh vào nhà Như Lai, đã sinh vào nhà kia rồi, luận này thì Địa thứ năm v.v... gọi là “lớn lên trong nhà Như Lai”. “Đắc thế pháp”, theo Cựu địa trì luận nói là: “Đắc tự tại”, kinh thì nói là: “Được lớn lên trong nhà rồi thì đắc thế lực tự tại”. Lại nữa, đều có Thế pháp là đắc Thế của Như Lai, Chân như là Thế pháp. Lại nữa, mười Tự tại gọi là Thế pháp, hãy nên xem nó.

Luận ghi: “Tối cực vi Tế Tát-ca-da kiến chấp trước tất cả Uẩn v.v... không hiện hành đoạn”, là nói Địa này có thể lia và chế phục Ngã kiến trong Thức thứ sáu, ngoài ra tham sân v.v... còn ở tại Thức thứ bảy của nó, nhập Địa thứ tám mới chế phục được nó. Trong đó có mười ba đoạn văn kết, căn cứ theo văn của luận kia và luận này.

Luận ghi: “Có thể thành chánh pháp giáo tuệ chiếu sáng”, chánh pháp giáo là Sở chiếu, trí này có thể chiếu chánh pháp giáo, gọi là Diệm tuệ địa.

Địa thứ năm. Luận: Trong giải thích mười loại Bình đẳng thanh tịnh ý lạc, nói: “Vô đẳng giác cùng với các Giác v.v... vượt qua các hữu tình giới khác, cho đến các pháp như bình đẳng của nó”, sư Pháp nói: “Bình đẳng giác trong đây, tức là như kinh Thập Địa nói: Là giác ba đời Phật, tất cả công đức, tất cả pháp bình đẳng, Phật là Vô đẳng giác, Vô đẳng này gọi là Vô đẳng giác, vì ba đời Phật tức là ba Bình đẳng, tức là Vô đẳng vô bình đẳng”. Trong đây nói “cùng với các Giác v.v...”, tức là nhiếp sáu loại tiếp theo, vì sáu loại hợp làm một. Nói rằng: “Các Giác v.v...”, Địa luận kia ghi: “Là Giới định trí, Giới tức là Giới bình đẳng, Định tức là Định bình đẳng, tức là Giới tâm thanh tịnh. Độ nghi và Kiến thanh tịnh, tức là trong bảy Tịnh, bảy Tịnh này hợp chung với hai thứ Độ nghi và Kiến làm một Độ, nghi kiến bình đẳng. Đạo và Phi đạo thanh tịnh, tức là Giới thủ của ngoại đạo, tức là Đạo và Phi đạo bình đẳng. Trí kiến thanh tịnh, tức là hành Bình đẳng hạnh. Đoạn Trí kiến thanh tịnh, tức là hành đoạn Trí kiến bình đẳng. Trên đây là chỗ nhiếp sáu loại của các Giác v.v... như văn của Cựu địa trì luận và số giải có khác nhau, không phiền dẫn ra. “Các chư hữu tình khác” trong đây, tức là bi mãn hữu tình bình đẳng. Chín loại trước là tự lợi, một loại sau là lợi tha. “Cho đến các pháp bình đẳng của nó” trong đây, tương đương với kinh đó giải

thích danh từ bình đẳng, là đối với các pháp trở về trước, như chính các pháp đó mà bình đẳng, gọi là Bình đẳng, như kinh đó rộng nói.

Luận ghi: “Đối với bốn Thánh đế, do mười hành tướng như thật liễu tri tất cả văn từ, như khế kinh nói: Phải biết tướng của nó. Là y hiểu ngộ tha, y tự nội trí, y câu xứ sở, cho đến Danh cũng như chỗ thuyết này”, là y theo ba loại trước hiểu ngộ tha v.v... sư Pháp có hai giải thích: Y hiểu ngộ tha, câu thứ nhất này là lấy giáo của bốn Thánh đế, để dạy cho Nhị thừa, Nhị thừa không phải Phật thừa, cho nên nói vì Tha. Y tự nội trí, câu thứ hai này là lấy dạy cho chúng đại chúng tánh, chúng sinh đại chúng tánh là Tự thừa của Phật cho nên gọi là Y tự nội trí. Y câu xứ sở, câu thứ ba này là biệt giáo của hai câu trên, một câu này là tổng giáo, Đại thừa và Tiểu thừa vì người biệt và tổng của hai Thừa này mà bình đẳng thuyết bốn Đế, nói là “vì đây mà thuyết”. Lại nữa, giải thích ba câu này, là ba lần chuyển pháp luân. Y hiểu ngộ tha là thị hiện tướng Chuyển, là thị hiện Đế tướng đối với Tha, nói rằng đây là Khổ, cho đến đây là Đạo; Y tự nội trí, là chứng tướng Chuyển, nói rằng Khổ này ta đã biết, cho đến Đạo này ta đã tu; Y câu xứ sở, là khuyến khích tướng Chuyển, nói rằng giáo ngôn này ta đã biết, ông nên biết, cho đến Đạo này ta đã tu, ông nên tu. Vì ba lần Chuyển này cho nên nói là “vì đây mà thuyết”, tức là làm ba hành tướng. “Y theo khế kinh Điều Phục Bản Mẫu thì gọi là do đây mà thuyết”, tức là Tam tạng khế kinh, là kinh Điều Phục, là Tỳ-nại-da, là luật Bản Mẫu, là Ma-đát-lý-ca, là luận. “Do ba Tạng này cho nên Ta thuyết bốn Đế”, gọi là “do đây mà thuyết”. Vì trùm khắp ba loại trước cho nên hợp chung làm sáu loại. Y theo hiện tại thì tự tánh của chúng khổ là Khổ đế, nương vào vị lai thì tánh của Khổ nhân sinh nói là Tập đế; y theo nhân tận thì nhân kia tận không sinh gọi là Diệt đế, tức là sự diệt của nhân tận, sự diệt của quả tận; y theo tu tập đoạn Phương tiện tánh kia là Đạo, như bốn Đế này, gọi là “như đây mà thuyết”, tức là mười hành tướng.

Luận ghi: “Mâu-ba-la bảo”, tương đương với luận này nói là Mã não bảo, là Địa trước ở trên vàng, đã thêm Gia-mạt-ni bảo, hiện tại Địa này lại thêm Mã não bảo. Trong một Địa này, căn cứ theo văn kết thì có chín đoạn, căn cứ theo như trên mà biết.

Địa thứ sáu. Luận: Trong giải thích mười loại pháp Bình đẳng tánh, nói: “Đối với tất cả pháp do có Thắng nghĩa tự tánh, Vô tướng bình đẳng tánh v.v... cho đến có Hữu, Vô, Vô nhị bình đẳng tánh v.v...”, như Cự địa trì nói: “Có các số một, hai v.v... tiêu biểu tên”, trong luận này có mười một chữ “cho nên”, không giống như luận kia.

Vả lại, căn cứ theo Cựu luận ghi: “Một là nghĩa Tự tánh bình đẳng thứ nhất, tương đương với nghĩa thứ nhất trong đây, do có Thắng nghĩa tự tánh vô tướng bình đẳng, tức là tương đương với nghĩa thứ nhất của kinh này, Nhất thiết pháp tự tánh vô tướng bình đẳng”. Trong đây có ý nói, là do duyên với Thắng nghĩa lý cho nên tất cả pháp bình đẳng.

Như Cựu luận nói: “Hai là Vô ngôn thuyết hành vô tướng bình đẳng”, tương đương với luận này nói, ngôn thuyết tạo tác Ảnh tượng Vô tướng bình đẳng tánh, tương đương với kinh này ghi: “Thứ hai là Vô tướng bình đẳng”. Trong đây có ý nói là tất cả ngôn thuyết tạo tác Ảnh tượng v.v... đều do tướng, theo luận này thì tướng này cũng là Vô tướng bình đẳng, vì đối với lý thì vốn là Vô, vì Hữu là vọng sinh.

Như Cựu luận ghi: “Ba là Vô sinh bình đẳng”, tương đương với luận này ghi: “Tức là do tướng này là tự nhiên bất sinh bình đẳng tánh”, tương đương với kinh này nói là: “Vô sinh bình đẳng”, ý này cho rằng, tức là do tâm tướng này không có, cho nên tự nhiên không có Khổ sinh. Lại nữa, tức là do tâm tướng này đối với ngôn thuyết tạo hành, tánh y tha bình đẳng, người chấp có tự nhiên sinh, nhưng tự nhiên này không sinh, chỉ là nhân duyên sinh, nói là Vô sinh bình đẳng, không có tự nhiên sinh, ý nghĩa thứ nhất là thù thắng.

Cựu luận ghi: “Bốn là bốn Duyên bất khởi bình đẳng”, tương đương với nhân này cũng là Bất sinh bình đẳng tánh, vì Tự nhiên cùng với Nhân đều là Bất sinh, tương đương với kinh này ghi: “Không có trở thành Bình đẳng”. Sở ghi: “Vì Vô sinh, cho nên cũng không có khổ tánh thành khởi hiện tiền”. Sư Pháp nói: “Nhân là Năng thành, quả là Sở thành, chấp có Tự tại thiên v.v... làm nhân”, nhân đã không thể sinh cho nên nói là Bất thành bình đẳng, vì Nhân duyên sau đó mới sinh. “Tự nhiên cùng với nhân đều là Bất sinh”, là chấp có Tự nhiên sinh và Tự tại thiên làm nhân sinh, đều không thành. Luận này lại giải thích rằng: “Trước không sinh Bình đẳng, là ba tướng tạo tác v.v... không có, cho nên cùng với Tự nhiên bất sinh, không phải chỉ có Tự nhiên bất sinh, mà nhân này cũng không có, cho nên không thành Bình đẳng. “Tự nhiên cùng với Sinh đều bất sinh”, tức là song song giải thích lại nghĩa nhân quả Câu sinh, tức là Bất sinh thứ ba, Bất thành bình đẳng thứ tư.

Như Cựu luận ghi: “Năm là Tất cánh tịch diệt bình đẳng”, tương đương với luận này nói là: “Tánh Tất cánh bản tịch bình đẳng”, cho nên kinh ghi: “Tịch tĩnh bình đẳng”. Cựu luận giải thích rằng: “Loại Bình đẳng thứ năm này, vì loại thứ sáu chỉ có lia các ngôn thuyết hư ngụy, tức là phán làm Bản tịch bình đẳng thứ sáu”. Luận này thì không như

vậy, vì loại thứ sáu là Trí năng chiếu, cho nên loại thứ năm và thứ sáu này đều phỏng theo Chân như mà luận, sư Pháp do đó khai mở tánh Tất cánh bản tịch bình đẳng này, một câu làm thành loại thứ năm và thứ sáu Tịch tĩnh bình đẳng và Bản tịch bình đẳng, tiếp theo câu dưới là riêng trong loại Bình đẳng thứ bảy.

Hỏi: Hai loại này khác nhau thế nào?

Đáp: Như Cựu luận giải thích: “Bình đẳng thứ năm là lìa nhân của nhiễm, vì loại thứ tư và thứ ba là lìa quả của nhiễm”. Luận này thì loại thứ sáu thuyết minh lìa tướng tịnh đối trị diệt, hiện tại khác nhau như thế nào? Giải thích rằng: Câu nói Tất cánh bản tịch, đều là một câu Tịch tĩnh bình đẳng thứ năm của Cựu luận và kinh nói, chính là Chân như, dưới có hiện hữu Thể sự, có thể lấy Chánh trí lìa các Hý luận, vì Bình đẳng tánh, tương đương với Cựu luận ghi: “Lìa các hư ngụy Bình đẳng”, là Bản tịch bình đẳng của Cựu luận và kinh tức là Chánh trí lìa hý luận hư ngụy.

Hỏi: Như văn của Cựu luận thì có thể thông, nhưng như Bản tịch của kinh thì Chân như làm sao thông với loại thứ sáu này là Chánh trí?

Đáp: Như kinh cũng là Chánh trí, vì chiếu Bản tịch cho nên gọi là Bản tịch, không phải Thể là Bản tịch. Lại nữa, một câu giải thích hiện hữu Thể sự v.v... này, là loại thứ bảy trong kinh, không có Hý luận bình đẳng, tương đương với loại thứ tám trong Cựu luận và kinh, tức là Chánh trí. Tất cánh bản tịch thứ năm và thứ sáu khai thị như trước. Tánh Bình đẳng xa lìa tất cả tạo tác và thủ xả, ngay tại tánh Bình đẳng của các phiền não chúng khổ Tạp nhiễm và Ly hệ giải thoát này, tương đương với loại Thủ xả bình đẳng của Địa trì luận, tương đương với Vô thủ xả v.v... loại thứ tám của kinh, hoặc căn cứ theo kinh mà lấy Tất cánh bản tịch làm hai thứ thù thắng, hoặc hợp chung làm một, tức là khai mở chữ “cố” này làm hai, tuy nhiên không y theo văn kinh, ý trong đây là phiền não chúng khổ được giải thoát, tất cả thủ xả đều bình đẳng. Phân biệt Sở chấp cảnh giới tự tánh, như huyền hóa v.v... vì tánh Bình đẳng.

Địa trì ghi: “Chín là cảnh giới Vọng tướng, như huyền hóa bình đẳng”, kinh ghi: “Thứ chín là Huyền hóa bình đẳng, phá pháp Định vô minh, Tín như huyền hóa”, tức là Biến kế sở chấp, nắm lấy pháp của Sở duyên, tức là Y tha, những thứ này như huyền bình đẳng, là tự tánh Sở hành của Vô phân biệt trí, vì Hữu và Vô không có hai tự tánh bình đẳng.

Địa trì ghi: “Mười là cảnh giới Vọng tướng Hữu vô không có hai bình đẳng”, kinh ghi: “Hữu vô không có hai bình đẳng, tức là song phá

Hữu và Vô”. Hoặc Hữu vô của Biến kế sở chấp đều là Phi hữu cho nên gọi là không hai, tức là Chân như. Đó là mười loại pháp Bình đẳng tánh.

Luận ghi: “Y theo Duyên mà khởi Trí, có thể dẫn phát Không, Vô nguyện, Vô tướng, Giải thoát môn”, là quán Duyên khởi sinh diệt, Vô ngã, là Không hạnh, vì có đạo lý Sinh diệt vô thường lưu chuyển, và đặc Vô vi của Đoạn gọi là Vô tướng hạnh; vì là Hữu lậu vô vi có thể chán hoại sâu xa, không sinh mong cầu, cho nên gọi là Vô nguyện, là ý trong đây.

Luận ghi: “Bồ-tát như vậy khéo đối với đối với Thảng nghĩa lãnh thọ ghi nhớ, hữu tình như lý thông đạt phiền não trói buộc v.v... cho đến hoặc phải vĩnh viễn diệt tất cả Hữu vi”, là Bồ-tát khéo đạt Chân như, bi mẫn hữu tình, vì biết phiền não trói buộc nhiều duyên hội hợp, lia Ngã, Ngã sở và các nhiễm ô không phải là phiền não, ngoài các duyên hội hợp ra, thì riêng có hệ phược hữu tình, vì biết như vậy cho nên không nhiễm sinh tử mà trụ tại Niết-bàn, vì thương xót hữu tình cho nên không chịu diệt tất cả Hữu vi, không chịu nhập Niết-bàn, chịu nhập sinh tử để giáo hóa hữu tình, là ý trong đây.

Luận ghi: “Như vậy Bồ-tát trụ trong Trụ này, trí và bi đeo đuổi theo nhau, gọi là Vô trước trí hiện tiền, Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện tiền v.v...”, vì trí không chấp trước hiện tiền thì không nhiễm sinh tử, vì trí Bát-nhã hiện tiền thì không nhập Niết-bàn, loại trước là Chánh trí, loại sau là Hậu đắc trí, cũng đều thông với hai Trí, lại đặc hai hạnh riêng khác của Trí và Bi.

Luận ghi: “Đối với tất cả loại Thánh giáo của chư Phật, tất cả ngoại đạo và chư ma quân v.v... không thể kéo dẫn đoạt lấy”. Tại sao trước Sơ địa không phải chỗ kéo dẫn của người khác? Từ đây về sau luận điều đó. Lại còn nghĩa trước Sơ địa, là Chân như giáo không phải người khác kéo dẫn, hoặc tất cả giáo không phải người khác kéo dẫn, tức là tổng tướng Phi tha dẫn, Phi tha dẫn của Biệt tướng. Luận này đối với tất cả loại Thánh giáo phi tha dẫn là Phi tha dẫn trong Biệt Tướng. Hiện tại trong Địa này, có thêm lưu ly bảo châu đối với các vật dụng ở trước mà trang nghiêm lên, tức là tất cả Địa, căn cứ theo đây mà nên biết.

Luận ghi: “bốn Phong luân”, hoặc là Phong của tứ phương. Lại nữa, luận này là mười một đoạn căn cứ theo pháp, cũng phân phán phối hợp với Địa thứ bảy.

Luận ghi: “Đã đắc Diệu phương tiện tuệ, chỗ dẫn thế gian Bất

cộng với tất cả hữu tình mà chung với tất cả Tấn đạo thắng hạnh của thế gian v.v...”, đây là mười loại Tuệ, có thể cùng với Địa thứ tám làm phương tiện, cho nên gọi là Phương tiện tuệ. Làm sao biết được?

Luận ghi: “Tấn đạo thắng hạnh”, Tấn đạo thắng hạnh này khởi Hữu tướng hạnh mà duyên sự tướng, vì có sai biệt cho nên gọi là thế gian, vì không phải chỗ triển nhiều của phiền não nghiệp cho nên gọi là Bất cộng, vì Thế là Vô lậu, vì hữu tướng, cũng gọi là Cộng. Là chỗ không thể hành của hữu tình, vì Vô lậu cho nên gọi là Bất cộng, khởi duyên sự tướng cho nên gọi là Cộng. Thế gian khởi Địa sau và Tiền phương tiện mà tu, vì Tấn đạo của Địa sau cho nên gọi là Tấn đạo thắng hạnh.

Luận: Trong giải thích mười loại Diệu phương tiện, nói: “Nương vào hứng cảm năng khởi thế gian nhiếp thọ phước đức, nương vào lợi ích an lạc Tăng thượng ý lạc của hữu tình v.v... cho đến nương vào thân ngữ tâm trí của chư Như Lai v.v...”, trong kinh Thập Địa, mười loại này phân riêng làm bốn loại, loại thứ nhất gọi là Thân tài nhân sự, loại thứ hai gọi là Hộ ác nhân sự, loại thứ ba gọi là Hộ thiện nhân sự, bảy loại sau gọi là Hóa sinh nhân sự. Luận này ghi: “Nương vào hứng cảm năng khởi thế gian nhiếp thọ phước đức”, là Thân tài nhân sự thứ nhất của kinh nói, có ý là nương vào nhân duyên hứng cảm năng khởi thế gian mà Bồ-tát tu hành để nhiếp thọ phước đức.

Luận ghi: “Nương vào lợi ích an lạc Tăng thượng ý lạc của hữu tình”, là kinh nói Hộ ác nhân sự thứ hai, là phần nhiều đối với hữu tình mà khởi ác, hữu tình là ác nhân, hiện tại vì lợi ích an lạc Tăng thượng ý lạc, đối với hữu tình kia gọi là Hộ ác nhân sự, mà không khởi ác.

Luận ghi: “Nương làm Bồ-đề phước đức tư lương, pháp Bồ-đề phần mà thắng tấn mãi về sau”, tương đương với kinh nói Hộ thiện nhân sự thứ ba, Vô học Bồ-đề gọi là Quả sự, hiện tại làm quả này là phước đức tư lương và Bồ-đề phần, trong nhân đó, tinh tấn mãi về sau gọi là Hộ thiện nhân sự, là bảo hộ khiến cho tăng trưởng.

Luận ghi: “Nương theo Bất cộng Thanh văn, nương theo Bất cộng Độc giác”, là lấy bảy loại sau tương đương với kinh nói Hóa sinh nhân sự thứ tư, trong loại thứ tư của kinh nói có bảy thứ, tức là bảy loại phương tiện. “Bất cộng Thanh văn Độc giác”, tương đương với kinh nói Nguyện thứ nhất trong bảy loại, nắm lấy tam hữu của thế gian mà sinh. Kinh ghi: “Rốt ráo viễn ly ba cõi mới có thể ứng hóa khởi ba cõi hạnh”. Nhị thừa thì không như vậy, vì là Bất cộng.

Luận ghi: “Nương vào hữu tình giới”, tương đương với kinh nói

Thuyết đối trị thứ hai, cho nên kinh ghi: “Tịch diệt chủng phiền não triền, mà làm cho chúng sinh khởi diệt tham v.v...”, cho nên biết hữu tình giới bị sinh nhiễm hoặc, đó là Thuyết đối trị thứ năm trong mười thuyết.

Luận ghi: “Nương vào chư pháp giới”, tương đương với kinh nói Diệt chư chướng thứ ba, cho nên kinh ghi: “Biết pháp như huyễn mộng v.v... mà khởi vô lượng sự nghiệp hóa độ”, tức là biết tất cả pháp giới đều là như huyễn, trừ khắp các kế chấp mà khởi vô lượng sự nghiệp hóa độ, gọi là Diệt chướng. Diệt sở tri chướng tương đương với kinh nói loại thứ sáu trong mười loại.

Luận ghi: “Nương vào chư thế giới”, tương đương với kinh nói Đại pháp tập thứ tư của bảy thứ trong mười loại, cho nên kinh ghi: “Khéo biết quốc độ như hư không mà khởi, để trang nghiêm Phật độ. Xứ của Đại pháp tập sinh gọi là Đại pháp tập, là bảy thứ trong mười loại.

Luận ghi: “Nương vào thân tướng của chư Như Lai”, tương đương với kinh nói Thân cận tập thứ năm, cho nên kinh ghi: “Biết Pháp thân của Phật không có thân, mà khởi hạnh Sắc thân trang nghiêm”, chứng chỗ hiển Chân như của hai Không, khởi Sắc thân hạnh, quán Cận pháp thân, gọi là Thân cận tập, là loại thứ tám trong mười loại.

Luận ghi: “Nương vào ngữ trí của chư Như Lai”, tương đương với kinh nói Chuyển pháp luân thứ sáu, cho nên kinh kia ghi: “Biết âm thanh của Phật là vô thanh mà có thanh, tùy sinh khởi Âm thanh hạnh, vì khởi hạnh này cho nên rốt ráo có thể chuyển pháp luân, là loại thứ chín trong mười loại.

Luận ghi: “Nương vào tâm trí của chư Như Lai”, tương đương với kinh nói khéo giải thích chỗ hỏi thứ bảy, cho nên kinh ghi: “Biết Phật trong một niệm, thông các sự ba đời, mà trí khéo phân biệt, biết kiếp số tu hành, Phật đối với chỗ hành, tùy theo chỗ câu hỏi, có thể khéo giải thích”, là loại thứ mười. Các loại này đều nhân theo hành hạnh này, có thể pháp này chiêu cảm Phật quả.

Luận ghi: “Bồ-tát và mười loại kia cùng chung tương ứng cho nên liền có thể thông đạt vô lượng vô số cảnh giới của Như Lai và Bồ-tát kia khởi Vô công dụng, Vô tướng, Vô phân biệt, Vô lượng phân biệt, quán vô lượng cảnh giới của Phật, khởi không gián đoạn, không khuyết, tinh cần tu học, tất cả uy nghi đi, đứng, tác ý, tất cả Phần vị không xa lìa đạo”, ý này là cùng với mười loại Phương tiện tuệ trước tương ứng chung, có thể đạt tất cả cảnh giới của Như Lai, vì chỗ hành xứ của tuệ trước là cảnh giới của Phật. Lại nữa, vì cảnh giới của Phật khởi Vô công

dụng, Vô tướng, Vô biến kế chấp phân biệt, Vô lượng Hậu đắc trí Y tha phân biệt, quán cảnh giới của chư Phật, khởi không gián đoạn, không khuyết, thường tinh cần tu học tất cả uy nghi đi, đứng và tác ý, không lìa tâm khẩu thân mà khởi hạnh như vậy, đối với tất cả hạnh của Phần vị, là đạo không xa lìa. Vô công dụng, Vô tướng này quán cảnh giới của Phật là đạo. Đi, đứng và tác ý trong uy nghi, tất cả Phần vị đều không xa lìa. Văn kết bên dưới ghi: “Thông đạt cảnh giới của Như Lai Phật, khởi không gián đoạn, không khuyết, vì siêng cần gia hạnh”.

Luận ghi: “Trụ thứ tám kia xưa nay thanh tịnh, Trụ thứ bảy này cũng gọi là tạp”, vì Địa thứ tám là Vô Công dụng cho nên xưa nay thanh tịnh, Địa thứ bảy vì Hữu công dụng cho nên gọi là tạp.

Luận ghi: “Cùng với Thanh tịnh trụ làm dẫn đường trước cho nên phải nói rằng Trụ này gọi là Bất nhiễm ô, cũng còn chưa đắc cho nên phải nói Trụ này tùy theo Tạp nhiễm ô”, là Căn bản vô tướng trong Địa thứ tám, Địa thứ bảy này thì mới đắc Vô tướng, là dẫn đường trước cho Địa thứ tám cho nên gọi là Bất nhiễm, chưa đắc Căn bản vô tướng, cũng còn Hữu công dụng, có chỗ mong cầu, chưa có thể mặc tình tùy ý vô tướng, cho nên tùy theo tạp nhiễm.

Luận ghi: “Trong Trụ của luận này, tất cả tham v.v... thượng thủ phiền não đều được trừ đoạn, phải biết Trụ này không phải có phiền não, không phải lìa phiền não, vì tất cả phiền não không hiện hành, cho nên sự mong cầu Phật trí chưa đắc”, Trụ này là tất cả tham v.v... đều được đoạn trừ, căn cứ theo tâm Địa mãn, không phải tâm Nhập địa mà đoạn Hoặc như vậy. Như Phật Địa luận, tự sẽ phân biệt. “Phải biết Trụ này không phải có phiền não” trở xuống, giải thích rằng vì tất cả phiền não không hiện hành, theo Địa mãn mà luận thì cũng như giải thích trước. “Không phải lìa phiền não” trở xuống, giải thích rằng có Phật trí nhưng chưa đắc, vì do có Tương tự ái, vì ái Phật và chấp Bồ-tát còn tồn tại. “Không phải phiền não” trở xuống, các văn đều nói vì có Gia hạnh cho nên hành được viên mãn.

Luận ghi: “Đối với tất cả Tĩnh lự v.v... pháp Bồ-đề phần đều có thể hiện tiền, do tướng tu hành hiện tại cho nên không phải, do an trụ Phần vị của Dị thực như Địa thứ tám”, ý trong đây là các Tĩnh lự v.v... trong Địa thứ tám như Dị thực vị không cần Gia hạnh, mặc tình tùy ý hiện tiền. Hiện tại trong Địa này chưa có thể mặc tình tùy ý như Dị thực trụ thứ tám, vì là Hữu công dụng cho nên các Tĩnh lự mới có thể hiện tiền, vì do tu hành tướng hiện tại.

Luận ghi: “Khó có thể biết rõ tất cả phân biệt hiện hành tùy theo

thân ngữ ý nghiệp đều an trụ mà không xả ly”, do có phân biệt vi tế chậm, khó có thể biết rõ thô phân biệt, cho nên gọi là Vô tướng. Địa tiền v.v... có thô phân biệt cho nên gọi là Hữu tướng, các phân biệt này đều tùy thuận với tám Phân biệt của Bồ-đề, cho nên không xả ly.

Luận ghi: “Lại nữa, chỗ nhập Diệt định trong Trụ thứ sáu của hàng Bồ-tát, hiện tại là niệm niệm năng nhập trong Trụ này”, Năng nhập này trong Khảo lược ghi: “Niệm niệm năng nhập, không phải Bồ-tát thật có Năng nhập, vì khởi tâm hóa độ chúng sinh mà nương vào Niệm niệm định nhập, đáng lẽ không làm lợi chúng sinh”, cho nên biết lấy Khảo lược để làm luận.

Hỏi: Tại sao chỉ nói Địa thứ sáu, không nói năm Địa trước?

Đáp: Ảnh hiển năm Địa trước, là khi nói Địa tối hậu thì kiêm gồm bao quát các Địa trước, mười hai đoạn văn trong đây như văn kết, căn cứ theo phối hợp mà biết, chỉ có Địa thứ năm là có Gia hạnh. “Hạnh viên mãn nhiếp”, xem văn trên thì tương tự cùng với Điên đảo thứ tư kết với Địa thứ tư, thứ năm này là Địa thứ năm hợp chung tại Địa thứ tư, sư Pháp nói: “Địa thứ năm này có Gia hạnh hành viên mãn nhiếp”, tức là trong Trụ này, tất cả tham v.v... đều trừ đoạn, vì có Gia hạnh hành viên mãn, nguyên nhân đoạn trừ các Hoặc lại là y theo đó mà trị, tổng kết không phải Địa thứ tám của điên đảo pháp.

Luận ghi: “Là hàng Bồ-tát trong Vô tướng trụ thứ nhất đã đắc mười loại Nhập nhất thiết pháp nghĩa trí thứ nhất”, như sư Viên giải thích rằng: “Tất cả pháp Vô sinh, có mười thứ được giải thích, Trí vô sinh gọi là Nhập trí”. Luận này lại ghi: “Nhất thiết pháp nghĩa thứ nhất, là chỗ trừ hai chấp hiển Chân như”, luận này thuyết minh trừ hai chấp và chỗ hiển Chân như, gọi là Nhập nhất thiết pháp nghĩa trí thứ nhất.

Luận ghi: “Là y ba đời như chỗ thích ứng của nó” trở xuống, nêu ra mười tướng, như văn của Địa trì luận, không phải giải thích riêng của các nhà làm sớ, văn này thì đủ nhưng không đủ mười pháp, mười pháp là: Y ba đời, như chỗ thích ứng của nó; Tùy ba đời, vì có kế chấp này cho nên tùy chỗ thích ứng, mười loại này đều trừ Biến kế sở chấp:

1. Kế chấp Hữu thứ nhất: Tất cả các pháp xưa nay là Hữu, xưa nay là Hữu sinh. Luận này phá rằng: “Xưa nay là Vô sinh”, kinh ghi: “Vô sinh”.

2. Kế chấp Hữu thứ hai: Tất cả pháp hiện tại và vị lai có khởi. Luận này phá rằng: “Vô khởi, Vô thành”, kinh đồng luận này.

3. Kế chấp Hữu thứ ba: Ngay trước Bản lai pháp nhĩ là Hữu tướng. Luận này phá rằng: “Vô tướng”, kinh đồng luận này.

4. Kế chấp Hữu thứ tư: Có sáu cõi Tự tại thiên v.v... vì làm nhân v.v... cho nên vị lai có thành. Luận này phá rằng: “Vô thành”, kinh ghi: “Không có xuất hiện”.

5. Kế chấp Hữu thứ năm: Hoại kiếp quá khứ có hoại. Luận này phá rằng: “Vô hoại”, kinh ghi: “Không mất”.

6. Kế chấp Hữu thứ sáu: Bác Chân như là Phi hữu. Luận này phá rằng: “Y theo nghĩa thứ nhất thì rốt ráo ly ngôn, các Sự tự tánh là Hữu”, kinh ghi: “Không cùng tận”.

7. Kế chấp Hữu thứ bảy: Thể của tất cả các pháp là Thật hữu. Luận này phá rằng: “Tự tánh của Ngôn thuyết, Tạo tác, Ảnh tượng, do Thể tướng, do Nhân tướng, đều không có Sở hữu để nói, chỉ là Nhân quả, không phải là Thật hữu”, kinh ghi: “Không nhiễm”.

8. Kế chấp thứ tám: Tất cả duyên khởi tạp nhiễm tại nhân thời thì có nhiễm lưu chuyển, tại quả thời thì có ngừng dứt. Luận này phá rằng: “Tức là do Thể tánh tạp nhiễm như vậy, không có tánh lưu chuyển, không có tánh ngừng dứt, vì đều là hư huyễn, đều là Vô sở hữu, không có lưu chuyển, không có ngừng dứt”, kinh ghi: “Tự tánh không sinh”.

9. Kế chấp Hữu thứ chín: Tất cả các pháp do vô trí tà chấp làm nhân, sơ thời, trung thời và hậu thời, tất cả thời đều là tạp nhiễm. Luận này phá rằng: “Nương vào vô trí tà chấp này làm nhân, đối với các sự hữu thể ly ngôn kia, tất cả phần của sơ trung hậu vị đều nhiễm, nói rằng Bình đẳng tánh do Chân như lý thì các nhiễm đó đều bình đẳng”, kinh ghi: “Niệm thiện không tư duy”.

10. Kế chấp Hữu thứ mười: Chỉ có trí Vô lậu mới có thể trừ các Hoặc. Luận này phá rằng: “Trí kia nương vào Chân như, chứng nhập Vô đảo thì không có phân biệt, vì tánh bình đẳng, cho nên có thể trừ tạp nhiễm, là nói rằng nương vào duyên Chân như thì sinh trí Vô lậu, vì Vô phân biệt cho nên có thể trừ các Hoặc, không phải chỉ nương vào trí”, kinh ghi: “Tác nghiệp vô sinh”. Những câu này đều là sư Pháp nói, còn sư Viễn cho rằng: “Là đối với ba đời”, đây là Địa thứ tám, bảy Địa về trước làm quá khứ, Địa đang hiện hành thì gọi là hiện tại, còn lại hai Địa sau thì gọi là vị lai. Bốn loại đầu tiên của đời này phải phối hợp với ba đời, nghĩa của nó như thế nào? Đối với quá khứ thì có hai loại đầu, là Vô sinh và Vô khởi, hiện tại là Vô tướng, vị lai là Vô thành, quá khứ phân làm hai Địa, Sơ địa gọi là Sinh, Địa thứ hai đến Địa thứ bảy gọi là Khởi. Nói Vô sinh, là không có tịnh pháp của Sơ địa sinh khởi. Vô khởi, là không có sự sinh khởi của Địa thứ hai trở đi, Khởi tức là khởi hóa độ hai Địa này, là trừ kế chấp quá khứ. Nói Vô tướng, là chấp Địa thứ tám

đang hiện hành có tướng Vô sinh pháp nhãn, bây giờ trừ chấp tướng này nói là Vô tướng, tức là hiện tại. Nói Vô thành, là nói không có Địa thứ chín trở đi cho đến thành Bồ-đề của Phật, có các chấp thành Bồ-đề này, bây giờ đều trừ nó. Cự luận chỉ có bốn loại này, không có ba loại kế tiếp, chỉ có ba loại sau. Tổng quát trong mười loại này, phần lớn phân tùy theo nhau làm bốn loại, bảy loại đầu gọi là Sự vô sinh, một loại kế tiếp là Tự tánh vô sinh, một loại kế nữa là Số sai vô sinh, một loại sau cùng là Tác nghiệp vô sinh, các loại này đều như kinh mà xem xét.

Luận ghi: “Vượt qua Tạp thanh tịnh trụ thứ bảy thì được nhập Thuần thanh tịnh trụ thứ tám”, vì tâm Hữu lậu ngăn cách gọi là tạp, thuần Vô lậu thì gọi là thuần tịnh. Địa thứ tám này trở lên tương tục là theo nhà giải thích, Địa thứ bảy là Hữu công dụng cho nên gọi là tạp, Địa thứ tám là Vô công dụng cho nên gọi là thuần. Nói ngăn cách và không ngăn cách, là Địa thứ tám này trở đi, tâm Hữu lậu gián đoạn mà khởi là theo các nhà luận nghĩa.

Luận ghi: “Trụ trong Trụ này, đối với Vô sinh nhãn mà chứng đắc Tối cực thanh tịnh nhãn thứ nhất”.

Hỏi: Sơ địa cũng đắc Vô sinh nhãn, thì Trụ và Địa này có gì khác?

Đáp: Như Hiền Dượng quyển 6 ghi: “Vô sinh nhãn có ba loại, Tánh sở chấp gọi là Bản lai vô sinh nhãn, Y tha gọi là Tự nhiên vô sinh nhãn, Viên thành thật gọi là Khổ cấu vô sinh nhãn, vì Sơ địa đó chứng đoạn hai Phân biệt chấp thì gọi là đắc Bản lai vô sinh nhãn. Địa thứ tám trở đi, chân và tục song hành, đắc hai Vô sinh nhãn là Tự nhiên và Khổ cấu. Lại nữa, Địa thứ tám trở đi chứng Nhất vị thuần, vì quán Chân như cho nên gọi là đắc Khổ cấu vô sinh trở về trước, và chứng đắc các Vô sinh nhãn khác. Lại nữa, đắc Phần đoạn vô sinh nhãn trở về trước, từ Địa thứ tám trở đi chứng Biến dị vô sinh nhãn. Lại nữa, Sơ địa v.v... không nhập ác đạo Vô sinh nhãn, Địa thứ tám trở đi không phải tâm Hữu lậu gián đoạn sinh Vô sinh nhãn.

Luận ghi: “Như thật trí này từ Thắng giải hạnh trụ, cho đến Gia hạnh hữu công dụng Vô tướng trụ chưa cùng cực thanh tịnh, hiện tại trong Trụ này thì đã cực thanh tịnh”.

Hỏi: Tại sao không luận bốn Tâm tư?

Đáp: Vì Tâm tư là nhân, không phải Vô sinh nhãn, vì chỉ là Hữu lậu. Như thật trí thì thông với Vô lậu, là Thể vô sinh nhãn của Địa thứ tám này.

Hỏi: Hai đoạn văn trước giải thích lại trí Vô sinh nhãn, đoạn văn

này thì thế nào?

Đáp: Là hàng Bồ-tát do bốn Tâm tư, đối với tất cả pháp đã Chánh tâm tư, hoặc có khi đạt được bốn Như thật trí, cho nên biết trí này tức là Thể của Nhân. Câu nói “đã có Tâm tư rồi”, do đó mà biết Tâm tư không ở tại Địa thứ tám trở đi, vì không có tâm Hữu lậu, trở về trước đều có tâm Hữu lậu, Hậu đắc trí của nó chỉ tương tự tạo tác nghĩa, không có phương hại đến sự tạo tác thật của nó.

Hỏi: Tâm tư chỉ có Hữu lậu ý, Dục dẫn sinh Vô lậu Như thật trí, trí Vô lậu đã nhiếp pháp thì tức là Như thật, thì tại sao lại khởi Tâm tư quán?

Đáp: Dẫn sinh trí Vô lậu là giả thiết khi tạo tác, chỉ lập là tương tự không phải tạo tác thật.

Luận ghi: “Ngay trong pháp môn lưu, được chư Như Lai giác ngộ khuyến tu đạo, truyền dạy ban cho vô lượng sự nghiệp dẫn phát môn trí tuệ, thần thông”, trong Địa này, mười phương chư Phật hành đại khuyến tu, khuyến tu là Bồ-tát, như kinh rộng nói.

Hỏi: Trụ này, Bồ-tát không có công dụng, thế nào lại giả khuyến tu?

Đáp: Đã đắc Vô tướng, thì gọi là phần nhiều nhập Vô tướng, không ưa thích tấn tu, chư Phật bảy lần khuyến tu khiến cho khởi Vô tướng quán, đã khởi Vô tướng quán rồi thì tự nhiên như Dị thực, mặc tình tùy ý thắng tấn, không chờ gia hạnh.

Luận ghi: “Như vậy được chư Phật giác ngộ khuyến hành đạo, dẫn phát vô lượng phân thân diệu trí”, tức là dẫn phát khiến cho sinh năm phần Pháp thân.

Địa thứ chín: Luận ghi: “Là hàng Bồ-tát đối với Thâm thâm trụ không sinh vui mừng đầy đủ, lại đối với Tăng thượng trí thù thắng tánh ưa thích tiến nhập”.

Hỏi: Trong tám Địa trước trừ bốn Tai thì Địa thứ hai trừ đoạn rồi, đối với Thanh tịnh trụ của Địa trên, phải tinh cần tư duy ngưỡng mộ, tại sao trên Địa này có đối với Trí thù thắng tánh mà ưa thích tiến nhập?

Đáp: Trước có chỗ mong cầu, là nhiệm pháp chấp, do Địa thứ bảy dấy khởi, Địa thứ tám thì đoạn nó. Hiện tại Địa này trong Quán vô lậu mà ưa thích Trí thù thắng, ưa thích Vô ngại giải, không phải nhiệm chấp, cho nên không đồng bốn Tai ở trước.

Luận ghi: “Hàng Bồ-tát đó trong các pháp khởi Gia hạnh tuệ vì người mà thuyết Nhất thiết chủng pháp”.

Hỏi: Tại sao Địa thứ tám trở lên gọi là Vô gia hạnh, nhưng Địa

này thì lại có câu “khởi Gia hạnh trí”?

Đáp: Trong bảy Địa trước, phải siêng cần gia công tu hành mới tiến đắc, gọi là Gia hạnh, nhưng trong Phật địa thì muốn vì hữu tình mà thuyết pháp, mặc tình tùy ý mà thuyết, không phải Gia hạnh, bây giờ trụ trong thấy biết này tiến nhập giải thoát của Địa trên, không có Gia hạnh trí thì mặc tình tùy ý như Dị thực tăng thắng, nhưng khi muốn vì hữu tình thuyết pháp thì không thể mặc tình tùy ý thuyết pháp như Phật, cần phải tác ý mà khởi thuyết, tức là trong Vô lậu mà tác khởi thuyết pháp, gọi là khởi Gia hạnh trí, cho nên không đồng với trước.

Luận ghi: “Phải biết thuyết pháp trong đây là Sở hóa, là đối với tất cả hạnh gần phiền não như rừng rậm, như vậy tạp nhiễm, như vậy thanh tịnh, do tạp nhiễm này, do thanh tịnh này, hoặc Sở tạp nhiễm, hoặc Sở thanh tịnh, hoặc không phải xưa nay, hoặc là xưa nay, hoặc thông cả hai thứ, như vậy tất cả đều biết như thật”, lại như Hiển Dương quyển 8 nói, phối hợp với tâm tâm pháp v.v... Vì có văn kinh là cần nên khuyến tu.

Luận ghi: “Như vậy Bồ-tát đối với phương tiện thiện xảo thuyết pháp, đối với phương tiện thiện xảo thuyết Sở tác”, uy nghi của thuyết pháp gọi là đối với Thuyết thiện xảo, xứng với cơ nghi mà thuyết, gọi là đối với Thuyết sở tác. Lại nữa, Sở thuyết hợp lý gọi là đối với Thuyết thiện xảo, xứng cơ lợi vật gọi là đối với Thuyết sở tác.

Địa thứ mười: Luận ghi: “Đắc tất cả tướng của Phật, xứng với thân Diệu tòa, chư quyển thuộc”, thân đắc Diệu tòa là số lượng thế giới của chư Phật bằng mười số cát sông Hằng, các tiểu Bồ-tát ngồi tòa hoa, bốn bên vây quanh gọi là quyển thuộc.

Luận ghi: “Nhất thiết hành tướng, Nhất thiết trí trí, quán rải lên đánh”, là lấy nước pháp quán rải lên đầu gọi là Nhất thiết hành tướng, đây là chỗ làm của Nhất thiết trí trí. Mỗi mỗi đều xem xét theo kinh, phần lớn có phối hợp với văn phán định.

Luận ghi: “Lại nữa, Bồ-tát này tự như vầng mây lớn, chưa hiện Đẳng giác Vô thượng Bồ-đề”, Địa thứ mười có ba tâm là Nhập, Vị và Mãn. Trong Mãn tâm này, gọi là Đẳng giác Bồ-tát, Như Lai gọi là Diệu giác, đang nhập và trụ không gọi là Đẳng giác, hoặc ở tại hai tâm Nhập và Trụ gọi là chưa hiện Đẳng giác, hoặc ở tại Mãn tâm gọi là đã hiện Đẳng giác. Lại nữa, Đẳng giác là Phật, chưa hẳn là Đẳng giác Bồ-tát. Nói rằng Bồ-tát này đang tại Địa đó chưa thành Đẳng giác, cũng có thể hóa sinh, thuyết pháp như mây mưa, nếu đã thành Đẳng giác Phật rồi, thì cũng có thể hóa sinh, thuyết pháp như mây mưa. Nói rằng cùng với

Phật tương tự, như Đẳng giác Bồ-tát gọi là Đẳng giác.

Luận ghi: “Vô số kiếp thứ ba của kinh kia”, cho đến “chứng tối thượng Thành mãn Bồ-tát trụ”.

Hỏi: Tại sao kinh này không nói chứng đắc Như Lai?

Đáp: Vì ba kiếp này đều ở tại nhân, cho nên không nói chứng Phật, vì ở ngoài ba kiếp của Phật. Lại nữa, trong đoạn văn thuyết minh hai kiếp ở trước đều có nói “thứ tự”, nói chứng đắc Cực hỷ trụ v.v... hiện tại kiếp thứ ba của luận này không của nói “thứ tự”, cho nên không nói Như lai địa, chỉ giữ lấy Địa vị của tự mình.

Luận ghi: “Hoặc chánh tu hành tối thượng thượng phẩm dũng mãnh tinh tấn, hoặc có thể chuyển nhiều trung kiếp, hoặc có v.v... cho đến chuyển nhiều đại kiếp”, đây là chỉ có luận Sơ kiếp Bồ-tát, vì Địa tiền có siêu vượt. Làm sao biết được điều đó? Tức là trong giải thích ba kiếp kế trước, Sơ kiếp ở đây thường hằng dũng mãnh tinh tấn, không phải không dũng mãnh, cho nên biết Sơ kiếp có bất dũng mãnh, do đó được nói là “siêu vượt”. Lại nữa, giải thích kiếp thứ hai ở trước ghi: “Kiếp này tức là quyết định, vì là Bồ-tát đắc Thanh tịnh ý lạc, quyết định dũng mãnh tinh tấn, cho nên biết hai kiếp trở đi, không có dũng mãnh, không thể nói là siêu vượt tất cả thời, vì hằng tinh tấn cho nên khởi phiền não chỉ là lợi sinh.

Luận ghi: “Lại nữa, do chỗ nói mười hai hàng Bồ-tát trụ như vậy, trải qua thời lượng ba vô số kiếp có thể vĩnh viễn đoạn tất cả chỗ có Phiền não chướng phẩm, cho đến đoạn tất cả chỗ có Sở tri chướng phẩm thô trọng v.v...” cho đến “như thứ tự của đó mà tu đoạn Tư lương”, hai chướng trong đây là Phiền não chướng và Sở tri chướng, Sơ địa đã đoạn Chủng tử hiện hành của Phân biệt, gồm đoạn luôn Phiền não tu đạo của chính nó, vì khi đắc Kiến đạo thì thượng phẩm và trung phẩm phiền não nấp phục không hiện hành, chỉ có hạ phẩm còn tồn tại cho đến Địa thứ tám, lại cũng vì chế phục sự hiện hành của hạ phẩm này rốt ráo không sinh.

Luận ghi: “Địa thứ tám đoạn rốt ráo không phải là đoạn Chủng tử, tại Kim cương tâm, đoạn ba phẩm Chủng tử, Sở tri chướng của nó, Thức thứ bảy nhập quán và xuất quán trong Thập địa, hoặc khởi hoặc không khởi, ở tại Kim cương tâm mới gồm đoạn Chủng tử. Ngoài ra các Địa khác thì không thể chế phục Chủng tử hiện hành cũng không thể đoạn Chủng tử. Sở tri chướng trong Thức thứ sáu của nó, tùy theo Địa mà gồm đoạn Chủng tử cũng như Sơ địa, cũng khởi chướng hiện hành của hai Địa, khi đến Địa thứ tám không những đoạn Chướng chủng tử

của Địa này, mà cũng chế phục Hiện hành của Địa thứ chín và Thập địa rất ráo không sinh, không phải đoạn Chứng kia mà chính trên Địa thứ tám của nó. Tâm Hữu lậu gián, là gián đoạn sinh Hữu lậu thiện tâm, không phải khởi các chướng như vậy, là ý của đoạn văn này, còn lại thì tự mình riêng từng đoạn mà giải thích nó.

Luận ghi: “Trong Cực hỷ trụ, các Phiền não phẩm của tất cả nẻo ác”, cho đến “đều vĩnh viễn đoạn tất cả Phiền não của thượng phẩm và trung phẩm đều không hiện hành”, sư Pháp nói: “Chỉ là nghiệp Hoặc có thể chiêu cảm, đều là khi Kiến đạo thì đoạn”.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao Câu sinh phân biệt và hai Hoặc khác nhau?

Đáp: Luận này nói “đoạn phiền não của nẻo ác”, chiêu cảm nẻo ác là phiền não, phần nhiều là phân biệt. Luận này nói “đoạn”, là đoạn các Phiền não câu sinh mà luận, vì sự chiêu cảm của Bất thiện nghiệp không đồng với trời người, không phải là Hoặc của Đa phần câu sinh. “Thượng trung và hạ phẩm không hiện hành”, là Tu đạo hoặc, như trước đã nói. Trong Địa thứ bảy ghi: “Tất cả phiền não không hiện tiền”, đây là chế phục hiện hành của hạ phẩm, như trước đã nói.

Luận ghi: “Sở tri chướng phẩm, thô trọng có ba loại, tại da, tại da non và thịt”.

Hỏi: Tại sao Phiền não chướng không nói ở tại da v.v...?

Đáp: Phiền não có phẩm, lấy ba phẩm làm ba loại đó, Chướng này ở đây thì không phải như vậy, cho nên lấy da v.v... mà nói.

Luận ghi: “Các luận khác thì các Trụ tu đoạn Tư lương”.

Hỏi: Sở tri chướng bị đoạn từng Địa, tại sao luận này nói Tư lương?

Đáp: Như trước đã nói, tuy đoạn Tự địa, nhưng do khởi các Hoặc của Địa sau, ba chỗ này đoạn nó, đều là Tự địa của Địa sau vĩnh viễn không hiện hành, không đồng với các Địa khác, cho nên không nói Tư lương.

Luận: Trong giải thích tám pháp nhiếp ba Thừa, trong mười ba Trụ này nhiếp ghi: “Trong Trụ thứ nhất và thứ hai, đối với Bồ-tát tạng sinh Tín thắng giải mà nghe thọ tư duy”, trong hai Trụ này, tùy ý nhiếp năm pháp đầu, trong năm pháp này, đối với một câu Bồ-tát tạng mà nhiếp ba pháp đầu. Sinh Tín thắng giải nghe và thọ lãnh là Tư duy thứ tư, thứ năm và thứ tư là Văn tuệ, thứ năm là Tư tuệ, luận này thật ra là lấy các Địa sau, không phải không có năm thứ nhiếp này, nói rằng dụng trên khi tăng thì phân đồng với ngữ.

Luận ghi: “Đối với tất cả chỗ khác”, cho đến “trong Hữu gia hạnh, Hữu công dụng và Vô tướng trụ mà đặc Tu quảng đại”, đây là nhiếp một phần pháp thứ sáu, cùng với Sơ địa thông nhiếp Vô tướng tu thứ sáu, những pháp này đều là tu tập Vô tướng, tu như quảng đại này, không giống Sơ địa, mới đặc gọi là Tiên hành tu.

Luận ghi: “Tu quả thành mãn trong chỗ nhiếp Bồ-tát trụ của ba loại trên”, đây là nhiếp pháp thứ bảy, nói là Tu thành mãn.

Luận ghi: “Trong Như lai trụ, phải biết đạt được Cứu cánh xuất ly”, là nhiếp pháp thứ tám Tu thành mãn, nên xem rộng trong phẩm Công đức.

Luận: Trong giải thích vì mười hai Trụ của Thanh văn tương tự Bồ-tát trụ, như chư Thanh văn đã chứng đắc giới ái của bậc Thánh để dứt tận các lậu trên, tăng cõi trên Học trụ và bốn Trụ của Bồ-tát cũng vậy”, Thanh văn trong đây, không phải khi đắc Sơ quả vị như Bồ-tát trụ thứ tư, Bồ-tát trụ thứ tư thì ở tại Địa thứ hai, vì là Sơ địa. Luận này căn cứ theo Thanh văn tại Sơ quả trong tấn thứ tâm mà luận, cùng với Bồ-tát tương tự. Lại nữa, khi Trụ quả thì cũng được tương tự Bồ-tát, vì giới mà đắc Sơ quả cũng có, tại sao phải lấy Bồ-tát khi thuộc Sơ địa gọi là Trụ thứ tư? Giải thích trước là thù thắng, vì chỗ chờ đợi chung, chính là tâm thấp học Tuệ học. Căn cứ theo đây là tại tấn thứ tâm phải biết.

Luận ghi: “Như chư Thanh văn khéo quán sát Sở tri vô tướng, Tam-ma-địa, Gia hạnh trụ, thì Trụ thứ chín của Bồ-tát cũng vậy”, Tam không không có Sắc, tâm quán vi tế gọi là Vô tướng Tam-ma-địa, tức là Đệ tứ thiền tâm tiến hưởng đến Tam không, là vì Gia hạnh đạo Vô tướng của Tam không, tương tự Trụ thứ chín Bồ-tát và Thành mãn vô tướng trụ thứ mười, căn cứ theo Tam không, như lý có thể hiểu.

Luận ghi: “Như chư Thanh văn, từ Tam không này đã xuất rồi thì nhập Giải thoát xứ trụ, Bồ-tát trụ thứ mười một cũng vậy”, tức là trụ tám Giải thoát đạo và chín Vô gián đạo gọi là Giải thoát xứ, đã ra khỏi Tam không ở trước rồi thì nhập Hữu danh giải thoát xứ trụ này, gọi là tương tự Bồ-tát trụ thứ mười một.

Luận ghi: “Như chư Thanh văn nói là tất cả đều tương tự Bồ-tát trụ thứ mười hai”, tức là tại Giải thoát đạo thứ chín trở đi.

TRÌ CỨU CÁNH DU-GIÀ XỨ THỨ BA, PHẨM SINH THỨ NHẤT

Trước đã thuyết minh hai Trì, đây là Trì thứ ba, là pháp sở học thứ nhất, chắc chắn phải khởi năng học hạnh, tức là Trì thứ hai, đã có học hạnh rồi thì liền có quả lợi, tiếp theo là phân tích quả của Bồ-tát thọ sinh, tức là chỗ toại ý đều nhân theo tâm, cho nên nói: Cứu cánh Du-già xứ. Trì này có năm phẩm nhiếp Sinh, vì làm đầu cho nên gọi là thứ nhất.

Luận: Trong giải thích Tăng thượng sinh, nói: “Tối sơ trụ làm chuyển luân”, thứ nhất là trụ làm vua của một thiên hạ, thứ hai là trụ làm vua của bốn thiên hạ, cho đến thứ tám làm chủ tiểu Thiên giới, thứ chín làm chủ của hai Thiên thế giới, thứ mười Bồ-tát sinh vào Ma-hê-thủ-la thiên, tức là Tịnh độ nhưng thật ra là trụ khoảng giữa của hai cõi dưới, vì nghiệp Vô lậu sinh cho nên gọi là Sắc cứu cánh thượng. Đây là căn cứ người chưa đắc thân Thọ dụng của pháp giới mà luận.

Luận: Trong giải thích Tối hậu sinh, sư Pháp nói: Hữu kinh ghi, Phật bảo Từ Thị: “Sự sinh vào nhà Bà-la-môn của ông, và sự sinh vào nhà Sát-đế-lợi của Ta, Ta từ bên hông phải mà sinh, ông thì từ trên Đảnh hóa sinh, Ta thọ tám mươi tuổi, ông thì sáu vạn tuổi v.v...”, điều này Hữu kinh cùng với Di-lặc kinh trái nhau, hãy xem câu hỏi.

Luận ghi: “Chỉ trừ Phạm địa Bồ-tát thọ sinh, đây là lấy Hữu trí Bồ-tát làm năm Sinh”, có hai thuyết:

1. Đây là lấy Trụ thứ hai, Bồ-tát Thập trụ trở lại chưa nhập tăng-kỳ thì không gọi là Hữu trí.
2. Chỉ lấy Sơ địa Bồ-tát trở đi gọi là Hữu trí.

Ý nghĩa giải thích thứ nhất là thù thắng, vì tám tướng Thành đạo của Thập trụ Bồ-tát. Lại nữa, Tăng thượng sinh, chỉ nói là Sơ địa, cho nên biết là lựa riêng với các Địa khác, Sinh thông với Trụ, cho nên Hữu trí lấy giải thích trước làm thù thắng.

PHẨM NHIẾP THỌ THỨ HAI

Đã thọ kiếp sống thù thắng, tự lợi viên mãn rồi, tiếp theo là lợi ích vật, cho nên gọi là phẩm Nhiếp thọ.

Luận: Giải thích rằng: “Bồ-tát như vậy đối với chư hữu tình, khi nhiếp thọ chuyển không điên đảo, thì phải biết là gặp gỡ, lược có mười hai loại trong Sự gian nan, dưới có Năng trị. Thiện xảo phương tiện của mười hai loại này, thứ nhất là mười một câu “Thứ đệ”, mỗi cặp là một Sở trị, câu thứ mười một giải thích Sự gian nan của câu thứ mười một và thứ mười hai.

Luận ghi: “Hoặc trong đó phải quán nặng nhẹ, như chỗ thích ứng của nó mà khởi phương tiện”, tức là loại thứ nhất nên biết. “Hoặc là trong đó phải thẩm sát chọn lựa Bồ-đặc-già-la”, tức là loại thứ hai. “Do thẩm sát chọn lựa hữu tình ở trước, cho nên lời nói nhu nhuyễn, tự mình không khởi phiền não, hoặc trong đó phan duyên dừng mãnh nhiếp thọ nhân chuyển”, tức là loại thứ ba, tuy vật kham chịu ít ỏi, nhưng vận tâm phan duyên ban bố khiến cho khởi khắp mà nhiếp thọ nhân chuyển. “Hoặc phát chánh nguyện”, tức là loại thứ tư, tuy không có năng lực nhưng rộng vì các sự kinh doanh, đều phát chánh nguyện, sau đó có khi làm thì rộng vì trợ giúp kinh doanh. “Hoặc trong đó, chế ngự tâm đó không để cho lưu tán”, tức là loại thứ năm, các sự thọ lạc phần nhiều là nhiệm ô phóng dật, nhiếp tâm không cho tán động thì có lìa lưu tán. “Hoặc trong đó an trụ tâm đó”, tức là loại thứ sáu, không có khả năng lợi sinh an tâm, mà cung kính làm tương đương với quả tâm sau đó. “Dừng mãnh tư duy chọn lựa”, tức là loại thứ bảy, khởi tâm tư duy chọn lựa thì có thể nhiếp các thứ, không thể nhiếp thì buông xả. “Không sinh chán mệt mà tự an nhẫn”, tức là loại thứ tám, có thể biết được. “Hoặc trong đó mà hành buông xả”, giải thích trước là ý thứ mười, vì đối với vật này mà buông xả, không nên sinh tâm bảo thủ mà thủ lấy bố thí, hoặc đây là giải thích loại thứ bảy ở trước, Sinh này có thể xả, Dừng mãnh tư duy chọn lựa ở trước hợp chung giải thích loại thứ tám. “Hoặc trong đó phát cần tinh tấn mạnh mẽ không biếng lười”, thứ tự lại giải thích loại thứ chín ở trước, có thể biết được, hoặc lấy hạnh buông xả trước này để giải thích loại thứ bảy ở trước, đây tức là hợp chung giải thích loại thứ chín và loại thứ mười. “Hoặc trong đó Thiện xảo phương tiện”, tức là giải thích đối trị thứ mười một ở trước, có thể biết được. “Mà chánh tu hành”, là giải thích loại thứ mười hai, có thể biết được, hoặc có giải thích đối trị ở trước, như trước mà phối hợp. “Hoặc trong

đó mà an trụ tâm đó” trở xuống, cho đến “mà tự an nhẫn” trở lại, là giải thích đối trị thứ sáu ở trước. “Hoặc trong đó mà hành buông xả”, là giải thích câu đối trị thứ bảy ở trước. “Hoặc trong đó mà phát động tinh tấn không giải đãi”, là giải thích ba câu thứ tám thứ chín và thứ mười, trong đây tinh tấn là một, mạnh mẽ là hai, không biếng lười là ba, như thứ tự làm ba loại. “Hoặc trong đó Thiện xảo phương tiện mà chánh tu hành”, là hợp chung giải thích loại thứ mười một và thứ mười hai, giải thích như trước có thể biết. Nếu y theo Địa trì thì Năng đối trị trong đây có chín câu, không thể y theo đó mà xem xét.

BẢN LUẬN 49 PHẨM ĐỊA THỨ BA

Phẩm thứ ba của Trì thứ ba, trước thuyết minh Lợi Sinh, sau thuyết minh địa vị thù thắng, y theo Phần vị sai biệt của Bồ-tát, y như Địa đó, cho nên nói là phẩm Địa. Lại nữa, đức của Ngã làm thành xứ, có thể kham được thọ sinh, cho nên gọi là Địa.

Luận: Trong giải thích bảy Địa, nói: “Như Lai thứ bảy v.v... tạp lập làm Địa”.

Hỏi: Trước thuyết minh Địa thứ bảy chỉ ở tại Địa thứ mười, bây giờ làm sao nắm lấy cho thông?

Đáp: Thật ra thông ở trong Phật, vì trước chỉ phỏng theo nhân vị, lược bỏ không thuyết minh Phật, bây giờ thì thật sự ghi ra, cho nên kiêm lấy Phật.

Luận ghi: “Vô gia hạnh, Vô công dụng, Vô tướng trụ gọi là Quyết định địa, Địa này tùy trong Quyết định thứ ba”, như Hữu xứ ở trên, thuyết minh ba loại Quyết định: một là Chủng tánh quyết định, hai là Phát tâm quyết định, ba là Bất hư hạnh tùy quyết định. Như Hiển Dương quyển 7, đồng với Chủng tánh quyết định này, tức là gốc Chủng tử Đại thừa phát tâm quyết định, là nhập Sơ địa. Thập trụ tuy cũng phát tâm nhưng chưa gọi là Quyết định. Địa thứ tám này gọi là Bất hư hạnh tùy quyết định, vì trong hạnh là Vô công dụng, mặc tình tùy ý mà làm Quyết định thứ ba này nên gọi là Quyết định thứ ba, có người giải thích thứ ba này nói là ở tại Sơ địa, luận này lấy giải thích ở trước như văn “tại Sơ địa” của Hiển Dương luận, là khi đắc Tự tại. Lại nữa, giải thích Địa thứ tám này tại a-tăng-kỳ thứ ba, như Dị thực trụ mặc tình tùy ý khởi hạnh lại không có tâm Hữu lậu ngăn cách, vì gọi là Quyết định.

Luận: Trong giải thích Nhập địa khi lìa nẻo ác, nói: “Đối với chư hữu tình sắc loại kia mà được Ai mãn ý lạc”, đây là Từ, dưới đây là Bi.

Luận ghi: “Các nghiệp nẻo ác của tất cả hữu tình, lấy Tịnh ý lạc đều nguyện thay thế hữu tình kia mà lãnh thọ”, Tịnh ý lạc có hai loại: một là Vô lậu, là nhập vào các Địa trên; hai là Thắng, cho nên gọi là Tịnh, tức là trước Địa này.

PHẨM HẠNH THỨ TƯ

Trên đã thuyết minh phẩm Địa, là Sở y vị để học, tuy có Y vị, nhưng phải hành Hạnh pháp nào, cho nên tiếp theo là phân tích Hạnh, trong đây rộng thuyết minh gọi là phẩm Hạnh.

Luận ghi: “Như chỗ nói trước có mười hai Hành tướng phương tiện thiện xảo”, như phẩm Bồ-đề phần ở trước đã thuyết minh, năm loại Đại nguyện cũng như phẩm đó, thật ra mười Nguyện căn cứ theo loại thù thắng mà luận, là năm mươi Lực phương tiện cũng như phẩm Lực chủng tánh.

Luận ghi: “Như chỗ nói trước hai loại vô lượng, một là Sở điều phục v.v...”,

Hỏi: Tại sao lấy tên này để thành tựu Hạnh của hữu tình?

Đáp: Là chỗ thành tựu Hạnh này. Do có Hạnh này, Bồ-tát khởi hạnh mà thành tựu, cho nên kiêm gồm lấy Hạnh đó.

Luận ghi: “Phải biết trong đây, Thí v.v... mười pháp trải qua ba đại kiếp a-tăng-kỳ-da, thời gian lâu dài tu tập mới viên chứng v.v...”, trong đây có ba loại Đáo bỉ ngạn:

1. Thời đáo bỉ ngạn, là ba đại kiếp.
2. Thể đáo bỉ ngạn, là biết Chân như tại nhân mà nhiếp, chưa hiển ở tại quả, để thuyết minh hiểu rõ cho nên gọi là Đáo bỉ ngạn.
3. Bồ-đề đáo bỉ ngạn, Nhị thừa gọi là nhân chưa tròn quả, Đại thừa gọi là Quả đáo bỉ ngạn. Sư Pháp lại nói: “Bồ-đề này có bốn Gia thiện căn, Đáo bỉ ngạn là Đại thừa thiện căn mới là thù thắng hơn Nhị thừa”, cho nên trong đây luận rằng: “Vượt hơn tất cả Thiện căn của Thanh văn Độc giác, hoặc là có thì căn cứ theo văn luận ở dưới, chỉ có ba loại trước, vì Thiện căn có thể đắc Diệu quả, không lấy Thiện căn mà luận”.

Luận ghi: “Phải biết Ba-la-mật-đa trong luận khác, đều nhiếp trong luận này”, như trong kinh Tương Tục Giải Thoát, hành Biệt tướng nhiếp Phương tiện độ, là ba Bạn ở trước, Nguyện độ là Tinh tấn bạn, Lực độ là Định bạn, Trí độ là Tuệ bạn; Giác y theo kinh Thập Địa thì bốn Độ sau thông với Bạn sáu Độ trước, tức là Thiện xảo nhiếp Sinh trong sáu Độ trước gọi là Phương tiện độ; có thể tinh tấn tăng thượng gọi là Nguyện độ; Ma pháp không động gọi là Lực độ; sai biệt hiểu biết khác nhau gọi là Trí độ, tức là sáu Độ trước nhiếp, không cần luận riêng. Thật ra cũng như kinh Thập Địa và kinh Tương Tục Giải Thoát, căn cứ theo nghĩa tăng thắng mà luận.

Luận ghi: “Do tứ lương, tứ tánh, quyển thuộc và thủ hộ của bốn Độ trước, phải biết viên mãn hoặc là Học”, phải phối hợp như thứ tự với bốn Độ trước.

PHẨM KIẾN LẬP

Nương vào Hành nhân của Địa, Hành nhân đã viên mãn, thì cần phải có quả thành tựu, đắc Quả thành mãn, tâm toại Bản tâm mà kiến lập chỗ thành tựu, gọi là phẩm Kiến lập, đây là phẩm thứ năm của Trì thứ ba.

Luận ghi: “Nương vào Như lai trụ, nêu song song hai pháp này”, là nêu ra mười ba Trụ, nêu ra chỗ thuyết minh bảy Địa ở trước, Địa và Trụ nêu ra song song, nghĩa nhiếp viên mãn.

Luận ghi: “Lại nữa, tất cả Bồ-đề tứ lương này lược có hai loại, là cách Bồ-đề hoặc xa hoặc gần”, khi chưa đắc tướng hảo thì gọi là xa, tức là ở tại Địa tiền, nếu đắc tướng hảo thì gọi là gần, là đắc Nhập địa trở lên, nguyên nhân biết được là chỗ phân tích nhập Tịnh thắng ý lạc Địa kế trước, các tướng tùy hảo đã đắc Dị thực, cho nên biết Địa tiền chưa đắc tướng hảo Thật báo. Lại nữa, văn trong cuối quyển này ghi: “Tướng hảo gọi là Đối chủng tánh địa, chỉ có Chủng tử, nương vào thân mà trụ tại Giải hạnh địa để tu phước thiện kia, hoặc tại Thắng ý lạc địa mà gọi là Đắc, các Địa trên gọi là Thanh tịnh, ở tại Phật địa mà đắc tướng hảo thiện tịnh Vô thượng địa”.

Luận: Trong giải thích bốn Thanh tịnh, Sở y tịnh thứ nhất, thì trong đây gồm lấy Tập khí của các phẩm Phiền não, đối với Sở y của tự nó không có Tập khí vĩnh viễn diệt, như Đối Pháp luận quyển 14, chỉ có lấy Trụ và Xả, không có Tập khí trước vĩnh viễn diệt, tức là Bồ-đề địa này. Trong giải thích công đức, văn đồng với Đối Pháp luận, luận này thì có ý gì? Trong luận này thì căn cứ theo Nhiếp pháp chu toàn, trong luận kia thì căn cứ theo Hữu vi tịnh, không lấy Vô vi tịnh, thật ra thì thông với Hữu vi và Vô vi.

Luận: Trong giải thích Tịnh lực giải thoát, Tập nhiễm có hai loại, Thanh tịnh có bốn loại, cùng với chỗ nói trên trái nhau, phải biết tướng của nó cùng với hai loại Tập nhiễm trái nhau. Trong hai loại Tập nhiễm, mỗi mỗi đều có hai thứ, loại Tập nhiễm thứ nhất có hai là: Vô công đức và chư Cái hiện tiền. Loại Tập nhiễm thứ hai có hai là Tự địa phiền não triền và Tự địa tùy miên. Luận này nói là có nhân, có hai nhiễm chướng này, khi Như Lai đắc Thanh tịnh thì có bốn thứ Thanh tịnh, phải biết là ngược lại với chỗ nói trước.

BẢN LUẬN 50

Luận: Trong giải thích Hữu sai biệt và Vô sai biệt của mười Lục, “Hữu sai biệt và Vô sai biệt” là như Xứ, Phi xứ và Tự nghiệp, vì quán Thiện nhân và Bất thiện nhân cho nên gọi là Vô sai biệt. Chỉ quán Thiện nghiệp và Bất thiện nghiệp thì có thể chiêu cảm Ái quả và Bất ái quả, đó là Xứ và Phi xứ. Tự khởi Thiện quả thì tự thọ Thiện báo, gọi là Tự nghiệp lực, cho nên là Hữu sai biệt. Ngoài ra, phải biết văn dưới căn cứ theo chỗ này.

Luận: Trong giải thích pháp Không quên mất, nói: “Hoặc là Như”, như văn dưới ghi: “Rộng đối với tất cả chỗ khởi phương tiện”, tức là khi giáo hóa chúng sinh, mà tùy phương tiện thích nghi, thuận theo lý cho nên gọi là Như, lại cũng tức là phương tiện như vậy, cho nên gọi là Như.

Luận: Trong giải thích Nhất thiết chủng diệu trí, nói: “Hoặc trong pháp Bất thiện vô ký không có trí điên đảo, biết mà không làm, là Nhất thiết chủng trí, hoặc biết thiện mà khởi thì gọi là Diệu trí”, trí trước tương tự Hậu đắc trí, Trí sau gọi là Chánh trí, thật ra là Vô phân biệt trí. Không quán các pháp bất thiện v.v... mà chỉ khởi Thiện quán, chỉ là Diệu trí, Hậu đắc trí của nó chính là Nhất thiết chủng diệu trí. Lại nữa, Hậu đắc trí có hai loại, đều là Chánh trí thì không đúng.

Luận ghi: “Tư duy viên mãn, xe ý viên mãn”, vì ý nghiệp có thể có nghĩa vận tải điều động tư lực, cho nên thí dụ như chiếc xe.

Luận ghi: “Như vậy viên mãn hiển thị tất cả Học đạo và quả Học đạo của Bồ-tát”, Học đạo là Trí, Quả là Như cảnh. Lại nữa, Hữu vi của các Địa trước gọi là Học đạo, Hữu vi và Vô vi của các Địa sau gọi là quả Học đạo.

TRÌ THỨ ĐỆ DU-GIÀ XỨ THỨ TƯ

Tức là lựa riêng, như các phẩm trên, hoặc là các nghĩa thứ đệ của phẩm, tức là tự mình khám xét.

Hữu dư y địa là Tập nhân của phiền não đã tận, chỉ có các thân trí khác và Vô vi tồn tại gọi là Hữu dư y, hoặc căn thân của năm Uẩn gọi là Y, có căn thân này tồn tại gọi là Hữu dư y.

Luận ghi: “Tại sao Địa thi thiết an lập là Hữu dư y địa? Trừ một phần Vô tâm địa, Tu sở thành địa, Thanh văn địa, Độc giác địa, Bồ-tát địa, trừ ra Vô dư y một Địa, toàn phần các Địa khác đều gọi là Hữu dư y”, trong mười bảy Địa, như văn của luận này, toàn phần mười một Địa và ít phần năm Địa làm Thể của Địa này. Tại sao vậy? Trong năm Địa lại giống như trong Vô tâm địa, có năm vị Vô tâm: một là Vô tâm, hai là Thùy miên, ba là Vô tưởng định, bốn là Diệt tận định, năm là Nhập vô dư y Niết-bàn giới. Luận này chỉ lấy bốn vị trước, trừ Vô dư y Niết-bàn cho nên nói “một phần” là Thể của Địa này. Trong Tu sở thành địa, tu thành có hai hành vi là Hữu vi và Vô vi, Vô vi của nó là Thể của Vô dư y, luận này trừ bỏ nó chỉ lấy tu thành Hữu vi.

Hỏi: Chỉ là tu, tại sao có câu nói “Hữu vi và Vô vi”?

Đáp: Thăng thắng mà nói Tu tuệ, tức là không lấy Vô vi. Luận này nói Tu sở thành, vì đã có câu “Sở thành” cho nên thông suốt với Vô vi. Chính các Địa của Thanh văn thuyết minh chung với bốn Đế. Trong Diệt đế của nó, có Nhân tận vô vi và Quả tận vô vi, luận này thì lựa riêng bỏ Quả tận vô vi, cho nên trừ bỏ một phần không có các Địa khác, tức là chỗ trừ bỏ toàn phần.

Hỏi: Các Địa khác cũng có, nhưng không phải Thể của Địa này, tại sao chỉ trừ ra một phần trong năm Địa?

Đáp: Từ nhiều tướng mà tùy theo, luận ghi: “Lại nữa, tùy theo hiển tướng”, là trừ ra ẩn tướng của nó, vì không phải Thể của Địa này, cho nên lược bỏ không luận.

Luận: Trong giải thích A-la-hán cùng với tám Y này hoặc là Y hoặc là Tương y, nói: “Cùng với sáu sự nhiếp thọ không chung tương ứng”, là cùng với sự nhiếp thọ của cha mẹ tương ứng, vì người Vô học không xả bỏ sự cúng dường cha mẹ.

Vô dư y địa là Thể của Địa này, tức là chỗ dư thừa của các Địa trước, nghĩa đó căn cứ theo trước mà hiểu.

